

## CÂU XÁ LUẬN KÝ

### QUYỂN 18

#### **1. Nói riêng về nghiệp chướng:**

“Ở trước đã nói” cho đến “tự thể ấy thế nào”: dưới đây là thứ hai nói riêng về nghiệp chướng, có sáu:

- 1) Nêu thể của nghiệp chướng.
- 2) Nói riêng về phá tăng.
- 3) Nói về duyên tạo thành tội nghịch.
- 4) Nói về định Gia hạnh.
- 5) Trọng tội, đại quả.
- 6) Vô Giá đồng loại.

Đây là thứ nhất, nêu thể của nghiệp chướng; nhắc lại câu hỏi trước.

“Tụng chép” cho đến “một là gia hạnh sát sinh” là tụng đáp.

“Luận chép” cho đến “không thể hại.” Trong năm tội Vô Giá có bốn tội thuộc thân nghiệp là giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, và làm thân Phật chảy máu. Có một tội thuộc ngữ nghiệp là phá tăng. Có ba tội thuộc nghiệp đạo sát sinh căn bản là giết cha, hại mẹ và giết A-la-hán. Có một tội thuộc nghiệp đạo căn bản là lời luống dối thuộc phá tăng. Có một tội thuộc gia hạnh nghiệp đạo sát sinh là làm thân Phật chảy máu vì thân Như lai không thể bị hại.

“Phá tăng Vô Giá” cho đến “vì sao gọi là phá tăng” là hỏi: nghiệp Phá tăng Vô Giá thuộc lời luống dối, vì sao lại gọi là phá tăng?

“Nhân được gọi là quả hoặc là năng phá” là đáp: Lời luống dối là nhân; phá tăng là quả. Vì có nhân là lời luống dối nên tăng mới bị phá. Nói lời luống dối được gọi là phá tăng tức nhân mà lại mang tên của quả. Hoặc là pháp năng phá; tức tăng là sở phá, lời luống dối là năng phá. Năng phá tăng nên gọi là phá tăng, tức từ dụng mà đặt tên.

#### **2. Nói riêng về phá tăng:**

“Nếu thế phá tăng” cho đến “ai được thành tựu” dưới đây là thứ hai nói riêng về phá tăng, gồm

- 1) Thể phá tăng và sự thành tựu.
- 2) Năng phá thành Thời và xứ.
- 3) Các duyên thành tựu phá tăng.
- 4) Nói về phá hai.
- 5) Thời kỳ không có phá pháp luân tăng.

Đây là phần đầu, nói về thể phá tăng và sự thành tựu. Câu hỏi thứ nhất: Thể của quả phá tăng là gì? Câu hỏi thứ hai: Người phá và người bị phá, ai thành tựu?

“Tụng chép” cho đến “tăng sở phá thành tựu:” Ba câu tụng đầu trả lời câu hỏi thứ nhất; câu tụng cuối trả lời câu hỏi thứ hai.

“Luận chép” cho đến thuộc về hành uẩn: là giải thích ba câu tụng đầu, nêu ra thể của phá tăng: Lấy bất hòa hợp trong hành pháp bất tương ưng làm tánh.

Hỏi: Tánh bất hòa hợp lấy gì làm thể?

Giải thích: Người xưa là Không Pháp sư giải thích rằng tánh bất hòa hợp lấy phi đặc đối với Thánh pháp làm thể, vì đã bất hòa hợp thì không thể chứng quả Thánh. Tuy tánh dị sinh đối với Thánh pháp vào thời gian đầu cũng không thể nhập Thánh nhưng về sau vẫn có thể nhập. Không Pháp sư có ý cho rằng tám chánh đạo vô lậu chính là thể của hòa hợp vì đây là đức hòa hợp của Thánh tăng. Nếu thường phá hoại đức hòa hợp này thì gọi là phá pháp luân tăng. Tuy nhiên các luận chỉ nói “phá phạm tăng” vì phá có hai trường hợp: gần và xa. Nếu là gần thì phá hòa hợp tăng thuộc phạm nên không thể nhập Thánh đạo; nếu là xa thì phá Thánh tăng. Vì thế, chính là Thánh tăng bị phá, do loại phá tăng này có tội nặng nên mới bị tội Vô Giá.

Hỏi: Các luận chỉ nói phá phạm chứ chẳng phải Thánh, nay nói phá Thánh thì trái với luận. Thông thường khi nói về phá tăng tức là phá tánh hòa hợp. Nếu đã đắc quả Thánh thì không thể phá; nếu chưa đắc quả Thánh thì có gì để phá? Cho nên giải thích trên thật phi lý.

Giải thích: Tánh bất hòa hợp lấy phi đặc đối với hòa hợp làm thể, nghĩa là tăng chưa bị phá thì có tánh hòa hợp; cùng là hòa hợp nên mới thừa nhận là có Thánh đạo. Do Tăng có loại tánh hòa hợp này nên có thể được nhập Thánh đạo. Nếu tăng bị phá thì xả tánh hòa hợp mà khởi tánh bất hòa hợp. Do phá tánh hòa hợp này khiến cho tăng không thể nhập quả Thánh mà thành tội Vô Giá. Vì vốn không thành tựu tánh hòa hợp thì phải lấy phi đặc đối với thể hòa hợp làm tánh bất hòa hợp.

Hỏi: Phá tăng bất hòa hợp lấy phi đặc làm thể, như vậy tăng hòa hợp cũng có thể lấy đặc làm thể được không?

Giải thích: Tất cả các pháp không hẳn đều được thành lập bằng cách đối đãi với nhau. Như tánh dị sinh lấy phi đặc làm thể nhưng Thánh tánh lại không chỉ có phi đặc làm thể.

Hỏi: Pháp luân tăng và phá Yết-ma tăng có đồng thể hay không?

Giải thích: Bậc cổ đức là Hư Pháp sư giải thích rằng phá tăng có hai loại. Nếu phá pháp luân tăng thì lấy phi trạch diệt làm thể; Nếu phá yết-ma tăng thì lấy bất hòa hợp làm thể. Pháp luân tăng không có hòa hợp để làm các việc yết-ma chỉ có pháp bất sinh là duyên sai khác, cho nên lấy phi trạch diệt làm thể. Yết-ma tăng có hòa hợp để làm các việc thuộc về yết-ma, về sau khi bị phá thì xả bỏ hòa hợp nên có bất hòa hợp làm thể.

Vấn hỏi: Nếu nói phá yết-ma tăng lấy bất hòa hợp làm thể thì cũng không sai nhưng nếu nói phá pháp luân tăng có phi trạch diệt làm thể thì không đúng. Các luận đều nói thể của phá tăng là tánh bất hòa hợp; như vậy nên trái với thuyết trên. Nếu nói các luận y theo trường hợp của yết-ma tăng để nói thì không đúng, vì các luận đều nói về pháp luân tăng.

Giải thích: Không pháp sư có ý giải thích rằng phá pháp luân tăng là dùng phi đặc đối với sự hòa hợp thuộc pháp luân lý tánh làm thể, trong lúc phá yết-ma tăng lại lấy phi đặc đối với sự hòa hợp thuộc yết-ma sự tánh làm thể.

Hỏi: Nếu gọi chung cả hai trường hợp là phi đặc cũng không trái. Nhưng nếu nói lấy phi đặc của Thánh pháp làm thể của phá pháp luân tăng thì không đúng. Y theo trước mà phá bỏ.

Nay giải thích: Hai loại phá tăng bất hòa hợp tánh đều lấy phi đặc đối với tánh hòa hợp làm thể. Nếu là phá pháp luân tăng thì lấy phi đặc đối với hòa hợp thuộc pháp luân làm thể; Nếu là phá yết-ma tăng thì lấy phi đặc đối với hòa hợp yết-ma làm thể.

“Chẳng lẽ thành Vô Giá” là hỏi: Thể của phá tăng thuộc tánh vô phú vô ký chẳng lẽ thành nghiệp Vô Giá, tại sao lại nói phá tăng là Vô Giá?

“Phá tăng Như thế” cho đến “là quả Vô Giá” là đáp: Tăng phá do có nhân là nói lời dối gạt mà được sinh khởi vì thế nói phá tăng là quả Vô Giá chứ chẳng phải nghiệp Vô Giá. Nhân mang tên của quả nên nói Vô Giá gọi là Phá tăng.

“Chẳng phải năng phá” cho đến “tăng chúng thành” là giải thích một câu tụng cuối: chẳng phải là Thiên Thọ năng phá đã thành tựu loại

thể này của tăng phá mà chỉ có sở phá là ngu tăng thành tựu. Hư Pháp sư nói: Thiên Thọ là tăng, không chỉ là năng phá mà còn hàm nghĩa sở phá vì năng phá này cũng có ý nghĩa thành tựu. Nay giải thích là không đúng nay. Phá nhân khiến cho người kia đắc được nhân của pháp luân bậc Thánh khiến cho họ không thể đắc được quả Thánh, Thiên Thọ tuy là tăng nhưng không đắc bậc Thánh cho nên chẳng thuộc sở phá. Hơn nữa luận chỉ nói về sở phá tăng thành tựu.

### 3. Nói về thời gian:

“Nhân năng phá” này cho đến lúc nào ở đâu: dưới đây là thứ hai nói về thời gian, nơi chốn thành tựu năng phá; gồm có ba câu hỏi.

“Tụng chép” cho đến “tùy tội tăng khổ tăng.” Hai câu tụng đầu trả lời câu hỏi thứ nhất; “Vô Giá” là trả lời câu hỏi thứ hai; “một kiếp thuần thực” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ ba.

“Luận chép” cho đến “đọa vào Vô Giá”: là giải thích ba câu tụng đầu. Nếu thuộc tội phá tăng thì chắc chắn đọa địa ngục Vô Giá; nếu là bốn tội nghịch khác thì không chắc chắn, tức có thể đọa vào các địa ngục khác. Văn còn lại rất dễ hiểu. Thiện thuộc cõi Dục vốn yếu kém nên không thể thọ trọn một kiếp; ác thuộc cõi Dục vốn mạnh mẽ nên thọ một trung kiếp.

Vì thế luận Bà-sa quyển 115 chép “Hỏi: Loại nghiệp này có công năng chịu quả trong một kiếp và đó là kiếp gì?

Đáp: Có thuyết cho là kiếp thành; có thuyết nói là kiếp hoại; có thuyết lại nói là đại kiếp.” Ở đây luận nói là trung kiếp. Vì kia cũng có khi chưa hết trung kiếp mà đã được giải thoát, như Tỳ-nại-da có nói về Đề-bà-đạt-đa, đến khi thọ lượng của con người lên đến bốn mươi ngàn tuổi thì lại sinh vào loài người, chắc chắn chứng được Độc giác bồ-đề, dù cho Xá-lợi Tử, v.v... cũng không sánh bằng.

Hỏi: Như vậy làm sao giải thích bài tụng này “Có những người phá tăng, phá hoại hòa hợp tăng, đọa địa ngục Vô Giá, thọ lượng một kiếp trụ”?

Giải thích: Tôn giả Thế Hữu giải thích rằng dưới một kiếp Trụ cũng gọi là một kiếp, như người đời dù được giảm đi một ngày và muốn làm gì thì làm nhưng vẫn cứ gọi đó là “ngày làm việc”. Ở đây cũng như thế.

Giải thích: Kinh Lập Thế nói Thích-ca Như lai ra đời ở kiếp trụ thứ chín; Thiên Thọ gây ra nghiệp Vô Giá, đọa vào địa ngục đến kiếp thứ mười hết mới thành một Trung kiếp. Tuy nhiên, Thiên thọ ở kiếp trụ thứ mười lúc giảm còn bốn mươi ngàn tuổi thì lại sinh làm người và chứng

đắc Độc giác bồ đề. Cho nên trung kiếp của Thiên Thọ chưa hết.

“Nếu gây ra nhiều tội nghịch” cho đến “đồng cảm một đời” là hỏi: Nếu gây ra hai tội nghịch thì chiêu cảm hai kiếp; và cứ như vậy cho đến gây ra năm tội nghịch thì chiêu cảm năm kiếp, tức đều theo thứ lớp mà sinh khởi dị thực. Vì sao nay lại nói gây ra nhiều tội nghịch mà đồng chiêu cảm một kiếp?

“Tùy tội kia tăng thêm” cho đến khổ hơn gấp năm lần: là đáp, chính là giải thích câu tụng thứ tư: Tọa tội nghịch ngày càng nhiều lên thì thân càng trở nên lớn, sự chuyển thành càng trở nên mềm dẻo, các khổ cụ lại tăng dần, và sự chịu khổ nhiều thêm. Trong việc gây ra nghiệp tội nghịch thì lúc đầu chỉ là dẫn nghiệp và về sau là mãn nghiệp. Vì thế luận Chánh Lý chép: Người gây ra nghiệp tội nghịch chỉ có một nghiệp năng dẫn, các nghiệp khác chỉ giúp trợ sự hoàn mãn. Luận Chánh Lý chép: Như khi gây ra nghiệp tội nghịch thì trước là dẫn và sau đó là mãn. Theo Hữu bộ dù gây ra nghiệp nhiều ít cũng đều gọi là thuận sinh thọ nghiệp, cùng thọ trong một kiếp. Nếu theo luận Thành thật thì tạo một tội nghịch sẽ chịu quả một kiếp; nếu gây ra hai tội nghịch thì cùng thọ hai kiếp. Cứ như vậy cho đến tạo năm tội nghịch thì cùng thọ năm kiếp. Bốn kiếp sau đều dựa vào kiếp đầu để đặt tên nên đồng gọi là nghiệp sinh báo. Như vậy, Thành thật phần nhiều dựa vào quan niệm của Kinh bộ: Một nghiệp chiêu cảm nhiều thân, nhiều nghiệp chiêu cảm một thân. Theo Chánh lượng bộ nếu gây ra một tội nghịch thì chịu quả một kiếp, cứ như vậy cho đến gây ra năm tội nghịch thì chịu quả năm kiếp. Trong đó kiếp đầu gọi là nghiệp sinh báo; bốn nghiệp còn lại gọi là nghiệp hậu báo. Mỗi nghiệp đều có chiêu cảm riêng.

#### **4. Các duyên thành tựu sự phá tăng:**

Ai ở chỗ nào, cho đến trải qua bao lâu mới phá: dưới đây là thứ ba nói về các duyên thành tựu sự phá tăng, gồm năm câu hỏi:

- 1) Ai là người phá.
- 2) Phá thuộc xứ nào.
- 3) Năng phá người nào.
- 4) Phá vào lúc nào.
- 5) Phá tăng trải qua bao nhiêu thời gian.

“Tụng chép” cho đến “gọi là phá không cách đêm:” Câu “Bí-sô thấy tịnh hạnh phá”: là trả lời câu hỏi thứ nhất; “dị xứ” là trả lời câu hỏi thứ hai; “kẻ ngu” trả lời câu hỏi thứ ba; “nhẫn dị sư đạo thời gọi là phá” là trả lời câu hỏi thứ tư; không cách đêm là trả lời câu hỏi thứ năm.

“Luận chép” cho đến lời nói không có uy đức: là giải thích câu

“Bí-sô thấy tịnh hạnh phá”: Đại tăng phá với Phật đối địch; tự xưng là Phật nên không phải người tại gia v.v... thân của người tại gia không có uy đức, chỉ thuộc loại “kiến hành” vì ác ý lạc rất sâu chắc; không thuộc “ái hành” vì đều có tâm tháo động đối với các phẩm nhiễm và tịnh. Người trụ tịnh hạnh thì không phạm giới vì đã nói phạm giới là vô uy. Vì thế biết rằng trước là phá tăng, sau là dứt gốc lành. Phải có đầy đủ thì la mới nói là uy túc vì dứt gốc lành tức xả giới. Cho nên luận Bà-sa quyển 116 chép “Hỏi: loại bổ-đặc-già-la nào phá pháp luân tăng? Đáp: Bổ-đặc-già-la có hai loại là ái hành và kiến hành. Hạng ái hành phá pháp luân tăng chứ không phải hạng kiến hành vì hạng này vốn có ý lạc rất sâu chắc, đối với các việc làm thuộc về lìa nhiễm, thanh tịnh chắc chắn không bị lui sụt. Trong lúc hạng ái hành không được như thế nên không thể phá. Lại nữa chỉ có người nam mới phá pháp luân tăng chứ không phải người nữ, phiến-đệ, bán-trạch-ca, v.v... vì sao? vì lúc phá pháp luân thì tự an lập làm Đại sư. Các người nữ phải là pháp khí tăng thượng, không có phận làm đại sư cho nên không có công năng phá tăng. Tuy nhiên vẫn có thể tạo ra nhiều phương tiện phá tăng, như Bí-sô-ni Khánh hỷ v.v... Phiến-đệ, bán-trạch-ca, vô hình, hai hình đều thuộc ái hành mà ái hành thì ý lạc không vững mạnh, đối với các pháp nhiễm tịnh đều không kiên quyết, vì thế loại này cũng không có công năng phá tăng.

#### **5. Giải thích Dị xứ:**

Phải phá ở chỗ khác cho đến “đối lại thì không có công năng” là giải thích về Dị xứ. Dị xứ là chỉ cho núi Yết-ám-thi-lợi-sa; Hán dịch là núi Tượng Đầu, vì đỉnh núi này nhìn giống như đầu voi. Núi này cách núi Linh Thứu về phía bắc khoảng ba bốn dặm và chung một địa giới. Thiên Thọ đã phá tăng chính ở nơi này. Xưa gọi nhầm là núi Gia-da, vì Yết-ám và Già-da có âm tương tự. Tuy nhiên ở Ấn cũng có một ngọn núi khác tên là Già-da, cách núi Linh Thứu hơn một trăm năm mươi dặm nên không cùng nằm trong địa giới và không phải là nơi Thiên Thọ phá tăng.

#### **6. Giải thích kẻ ngu:**

“Chỉ phá dị sinh” cho đến “nói lời của kẻ ngu” là giải thích kẻ ngu: Ở trước có nói chưa đắc quả Thánh gọi là Kẻ ngu, về sau lại nói chưa đắc nhãn là kẻ ngu, bao gồm cả hai nghĩa trên mà nói là Kẻ ngu.

“Phải là tăng bị phá cho đến vào lúc ấy”: là giải thích vào lúc nghe theo lời thuyết giáo của một vị đạo sư khác thì gọi là phá, tức chỉ cho lúc phá tăng. Nói “có các Thánh đạo khác” tức tăng bị phá đã

coi Đê-bà-đạt-đa là Đạo sư, chứ không phải Phật Thế tôn, lại nhận lời thuyết giáo của Đê-bà-đạt-đa về các Thánh đạo khác chứ không phải tám Thánh đạo do Phật nói. Đê-bà-đạt-đa tự xưng: “Ta chính là Đại sư chứ không phải Sa-môn Kiều-đáp-ma. Năm pháp của ta mới là Thánh đạo chứ không phải tám Thánh đạo mà Kiều đáp ma giảng nói.” Tăng bị phá đã coi Đê-bà-đạt-đa làm Đại sư và coi năm đạo là Thánh đạo cho nên biết rằng tăng phá là vào lúc này. Luận Bà-sa quyển 116 chép:

Hỏi: Vì dựa vào điều gì mà nói là phá pháp luân tăng?

Đáp: Luận Thi Thiết chép: vì cùng thọ nhận tất cả năm điều mà Đê-bà-đạt-đa đã đưa ra nên dựa vào đó để nói là pháp luân tăng hoại, lại có thuyết cho rằng sau khi đã tác bạch xong, hoặc rời chỗ nghe được, hoặc rời chỗ thấy được, hoặc rời chỗ thấy nghe được. Như vậy đều do ý lạc mà thể thọ nhận một vị đạo sư khác. Nghĩa là các Bí-sô ngu si này do ý lạc nên mới phát tâm nói rằng Đê-bà-đạt-đa là Đại sư của mình chứ không phải Phật Thế tôn. Vì có các việc trên nên nói là Pháp luân tăng hoại. Về năm pháp, luận Chánh Lý chép: Nói tà đạo là chỉ cho Đê-bà-đạt-đa vọng nói năm việc và cho đó là đạo xuất ly.

Năm việc gồm:

- 1) Không được uống sữa v.v...
- 2) Không ăn thịt.
- 3) Không ăn muối.
- 4) Nên mặc y lành lặn.
- 5) Nên sống ở các chùa ở gần xóm ấp.

Giải thích: Chữ “Đẳng” trong “nhũ đẳng” là chỉ cho lạc, bơ sống, bơ chín, và đề hồ. Cả năm loại này gọi là trước vị. Văn còn lại rất dễ hiểu.

Luận Bà-sa quyển 116 chép:

Hỏi: Năm pháp là gì?

Đáp: Năm pháp là:

- 1) Suốt đời mặc y phẩn tảo.
- 2) Suốt đời khát thực.
- 3) Suốt đời chỉ ăn với oai nghi ngồi.
- 4) Suốt đời thường ở ngoài trời.
- 5) Suốt đời không ăn cá thịt, thức ăn có vị máu, muối, tồ, sữa v.v...

Giải thích: Năm pháp luận Bà-sa quyển đưa ra khác với Chánh Lý.

### **7. Giải thích không cách đêm:**

“Đêm ấy phải hòa hợp” cho đến vì hoại tăng hòa hợp là giải thích không trải qua đêm. Pháp sư Chân Đế nói: Lúc trời sắp tối là phá tăng



nhưng đến canh ba thì lại hòa hợp. Vì thế nói là đêm nay chắc chắn hòa hợp mà không để cho qua đêm. Như vậy nói “Phá pháp luân tăng” là vì thường chướng ngại bánh xe Thánh đạo và làm tổn hoại sự hòa hợp tăng. Thánh đạo không chuyển được gọi là phá pháp luân; làm tổn hoại sự hòa hợp của tăng gọi là Phá tăng. Vì thế, luận Chánh Lý chép: Nếu chúng tăng thừa nhận lời thuyết giáo của người ấy thì lúc đó gọi là phá pháp luân và cũng gọi là phá tăng.

#### **8. Sự khác nhau giữa trường hợp phá tăng:**

Châu nào bao nhiêu người, cho đến châu nào bao nhiêu người: dưới đây là thứ tư nói về sự khác nhau giữa hai trường hợp phá tăng, đồng thời nêu ra câu hỏi về xứ và người. Câu hỏi thứ nhất nói về pháp luân; câu hỏi thứ hai nói về yết-ma.

“Tụng chép” cho đến “có cả ba châu tám đẳng: Hai câu tụng đầu trả lời câu hỏi thứ nhất; hai câu tụng cuối trả lời câu hỏi thứ hai.

“Luận chép” cho đến “quá nguyên hạn này”: là giải thích hai câu tụng đầu nói về phá pháp luân; như văn rất dễ hiểu. Lại Luận Bà-sa chép “Hỏi: Lúc phá tăng, có Phật ở trong chúng không? Đáp: Lúc đó Phật ở cùng giới nhưng không có trong chúng. (Hỏi) làm sao biết? (Đáp) Vì nghe nói lúc Đề-bà-đạt-đa sắp phá tăng, Phật vì thương xót đã quở trách rằng: “Đề-bà-đạt-đa, ông đừng phá hoại tăng chúng, đừng khởi tâm cực trọng ác bất thiện, đừng tìm đến chỗ có quả phi ái đại khổ.” Tuy Phật có lời thương xót quở trách như vậy nhưng Đề-bà-đạt-đa vẫn không dừng tâm. Lúc đó Thế tôn khởi chánh tri kiến quán sát vô lượng số kiếp về trước thấy mình từng phá hoại quyền thuộc của vị tiên, nay đây chính là quả dị thực hiện khởi ở trước. Sau khi quán sát, biết rằng tăng chúng chắc chắn bị phá, nên Phật vào tĩnh thất, ngồi im lặng, Đề-bà-đạt-đa đã tùy tiện phá hoại.” Cho nên biết rằng Thế tôn có ở cùng giới nhưng không ở trong chúng.

“Chỉ phá yết-ma” cho đến “nên cũng nói đẳng”: là giải thích hai câu tụng cuối. Nói “có ở cả ba châu” là vì có Thánh giáo và có cả chúng đệ tử xuất gia. Văn còn lại rất dễ hiểu. Luận Chánh Lý chép: (Hỏi) Ở vào lúc nào có thể xảy ra sự phá tăng và phá yết-ma tăng? (Đáp) Từ sau khi kiết giới đến nay, cho tới lúc pháp chưa bị diệt. Đối với Phá pháp luân tăng, trừ sáu thời phần. Bà-sa quyển 116 chép: (Hỏi) Phá yết-ma tăng và phá pháp luân tăng có gì khác nhau? (Đáp) Phá yết-ma tăng là ở cùng giới nhưng có hai bộ chúng tăng và mỗi bộ chúng đều tổ chức riêng bố-sái-tha yết-ma thuyết giới. Phá pháp luân tăng là lập Đại sư khác và một Thánh đạo khác. Như Đề-bà-đạt-đa nói “Ta là Đại sư chứ



không phải Sa môn Kiều-đáp-ma; năm pháp là đạo chứ không phải tám chi Thánh đạo do Kiều đáp ma nói.”

**9. Khi không có phá pháp luân:**

“Vào thời phần nào” cho đến “không phá pháp luân tăng.” Đây là thứ năm khi không có phá pháp luân. Luận chép cho đến không có phá pháp luân. Bào là chỉ cho ung nhọt. Tà giới và tà kiến được gọi là hai bào. Tà giới chỉ cho việc giảng nói năm pháp là đạo; tà kiến chỉ cho việc bác bỏ tám chi Thánh đạo mà Phật đã nói. Văn còn lại rất dễ hiểu. Luận Bà-sa quyển 116 chép: Không phải ở hai thời gian trước và sau vì những lúc này chúng tăng đối với Thánh giáo đều đang hòa hợp nên không thể phá hoại. Cũng không phải lúc mà hai cái nhọt trên chưa xuất hiện, tức chỉ cho thời gian mà trong Thánh giáo chưa sinh ra hai cái nhọt tà giáo và tà kiến. Cũng không phải lúc chưa hòa hợp nhưng vẫn kết giới chung; tức ở chung trong cùng một giới nhưng có hai bộ tăng khác nhau, ở hai nơi khác nhau, và thừa nhận Đại sư cũng như Thánh đạo khác nhau thì mới gọi là Phá tăng. Cũng không phải lúc chưa kiến lập được một đôi đầu tiên, nghĩa là khi đã kiến lập được đôi đầu tiên thì không thể phá hoại pháp luân tăng. Tất cả Chư Phật tự nhiên đều có hai vị đệ tử đầu tiên thuộc về bậc hiền Thánh. Khi đã xảy ra sự phá hoại Pháp luân tăng thì không quá một ngày một đêm vị đệ tử này có công năng tái lập sự hòa hợp. Cũng không phải sau khi Đại sư đã nhập Niết-bàn tức sau khi Đại sư nhập Niết-bàn nếu có người nói rằng ta chính là Đại sư chứ không phải Như lai thì tất cả chúng tăng đều quở trách rằng khi Đại sư còn tại thế tại sao ông lại không nói mình là Đại sư. Nay khi Như lai đã nhập Niết-bàn mới nói như thế. Vì thế chắc chắn trong sáu thời gian trên Pháp luân không thể bị hoại.

**10. Phá pháp luân tăng là do nghiệp quá khứ:**

“Chẳng phải phá pháp luân” cho đến vì có việc này: là nói phá pháp luân tăng là do nghiệp ở quá khứ, như đã từng phá quyến thuộc của vị tiên đã nói ở trên. Luận Chánh Lý chép: Ở kiếp thiền này vào thời Phật Ca-diếp-ba, Phật Thích-ca Mâu-ni đã từng phá tăng chúng của Ngài. luận Bà-sa quyển và Chánh Lý, mỗi luận đều dẫn một việc, cho nên không giống nhau.

**11. Các duyên thành tựu tội nghịch:**

“Hãy dứt bàng luận” cho đến “hại bậc vô học đời sau”: đây là phần ba nói về các duyên thành tựu tội nghịch.

“Luận chép” cho đến “phi dư”: là giải thích câu tụng thứ nhất; đây là hỏi.

“Vì bỏ ruộng ân, hoại ruộng đức” là đáp chung.

**12. Giải thích riêng ruộng ân:**

Là hai cha mẹ là bỏ ruộng ân là giải thích riêng về ruộng ân.

Thế nào là có ân là gạn lại.

“Vì thân sinh gốc”: là đáp.

Vì sao bỏ kia là hỏi.

“Là xả bỏ ân kia” là đáp.

“Ruộng đức là thứ khác,” cho đến “thành tội nghịch” là giải thích riêng về ruộng đức. Đức là chỉ cho các vị tăng A-la-hán khác và Như lai vì có công đức cao siêu và có công năng sinh khởi công đức cao siêu của người khác. Vì phá hoại thân y chỉ của các công đức cao siêu này nên thành tội nghịch. Luận Chánh Lý chép:

Hỏi: Nếu có cha mẹ lúc mới sinh con vì có ý muốn giết hại nên vứt ra đường cho chó sói ăn thịt, v.v... hoặc khi còn ở trong thai đã dùng phương tiện cố ý giết hại nhưng do thế lực của định nghiệp mà đứa con không chết. Như vậy người cha người mẹ trên đây đâu có ân đức gì để nói rằng nếu quên ân thì thành tội nghịch?

Đáp: Các bậc cha mẹ này chắc chắn vì sợ rằng không nuôi sống nổi, v.v... lại do sự tình ép ngặt cho nên bỗng nhiên sinh khởi tâm sát. Nhưng lúc vứt bỏ con thì trong lòng rất thương xót, thường nhớ nghĩ đến con. Cho nên nếu quên đi ân đức này cũng thành tội nghịch thuộc phẩm hạ. Vì để giải thích tội nghịch có thượng, trung, hạ nên nói quên ân tức thành tội nghịch; hoặc vì người mẹ vốn là gốc đã sinh ra con nên chỉ cần vô ân mà làm tổn hại thì sẽ đọa thẳng vào địa ngục. Những người thông minh đều nói rằng Thế tôn đối với tất cả pháp đều biết rõ nguồn gốc nên mới có lời thuyết giáo như vậy. Chúng ta chỉ cần có lòng tin sâu là đủ.

**13. Hỏi đáp về tội nghịch:**

“Thân cha mẹ chuyển, giết có thành tội nghịch hay không?” Là giải thích câu tụng thứ hai; đây là hỏi.

“Tội nghịch cũng thành” cho đến “là cha chuyển hình” là đáp: Cũng thành tội nghịch vì thân y chỉ trước sau là một.

Vì thế, luận Tỳ-bà-sa chép “Hỏi rằng: Nếu làm cho một người đàn ông không phải cha mình cũng không phải A-la-hán phải lìa bỏ mạng sống thì có phạm tội Vô Gián hay không?”

Đáp: Phạm. Vì người mẹ có thể chuyển hình thành đàn ông.

Hỏi: Nếu làm cho một phụ nữ không phải mẹ mình cũng không phải A-la-hán phải lìa bỏ mạng sống thì có phạm tội Vô Gián không?

Đáp: Phạm, vì người cha có thể chuyển hình thành phụ nữ.”

Nếu có người nữ, cho đến “thành tội nghịch hại mẹ” là giải thích câu tụng thứ ba; đây là hỏi.

**15. Giết mẹ phạm tội nghịch:**

“Vì huyết kia,” cho đến có khả năng thêm lớn thành người là đáp: Nhờ có giọt máu của người mẹ mới thành thân. Giết hại người mẹ đã sinh ra mình phải thành tội nghịch vì đó là gốc của thân mình. Người phụ nữ kế đó chỉ là người mẹ nuôi, có làm điều gì cũng nên lui tới hỏi han người mẹ kế vì người này có công nuôi dưỡng cho mình thêm lớn thành người, nên luận Chánh Lý chép: Nhờ có giọt máu của người mẹ mà thức nường vào đó để thêm lớn. Người mẹ kế chỉ là người nuôi dưỡng. Tuy làm việc gì cũng nên hỏi ý kiến, nhưng nếu giết hại thì chỉ thành tội cùng loại với Vô Gián.

**16. Giết lầm không phạm tội nghịch:**

Nếu đối với cha mẹ, cho đến cho là người khác mà giết: dưới đây là giải thích giết lầm, v.v... không phạm tội Vô Gián, tức là nói giết lầm không phải tội nghịch, như văn rất dễ hiểu. Luận Bà-sa chép: Do hai nhân duyên phạm tội Vô Gián: Khởi gia hạnh và Quả rất ráo. Tuy có khởi gia hạnh nhưng quả không ráo thì không phạm tội Vô Gián; tuy quả rất ráo nhưng không khởi gia hạnh cũng không phạm tội Vô Gián.

“Nếu một gia hạnh” cho đến “cực vi thành”: đây là nằm trong chữ “Đẳng”. Giải thích thứ nhất chỉ dựa vào một nghiệp là nghiệp biểu vì mạnh mẽ hơn; nếu cả hai thứ đều mạnh như nghiệp biểu và nghiệp vô biểu của cùng một gia hạnh giết cha, giết mẹ thì mỗi loại đều có hai pháp cùng sinh. Nếu cả hai cùng yếu kém như hại người ngoài cũng có hai biểu và hai vô biểu sinh. Giải thích sau đều có sinh khởi hai biểu và hai vô biểu. Cực vi và biểu khác nhau. Do có nghiệp biểu mới cắt đứt mạng sống người khác, nếu không có nghiệp biểu thì làm sao có thể cắt đứt mạng sống người khác. Vì thế luận Bà-sa quyển chép: Tôn giả Diệu Âm nói rằng tất cả các nghiệp biểu đều do cực vi tạo thành. Cực vi của nghiệp biểu hại mẹ và các cực vi khác khác nhau vì thế nếu có nghiệp biểu thì cả hai đều đắc tội. Lại, khi chúng sự phần thọ năm giới thì đều cùng lúc đắc được năm nghiệp biểu và năm nghiệp vô biểu. Cho nên biết rằng có nhiều nghiệp biểu và nghiệp vô biểu cùng khởi.

“Nếu hại A-la-hán” cho đến “cũng thành tội nghịch” là giải thích về trường hợp có thể có; văn rất dễ hiểu.

“Nếu có người hại cha” cho đến “vì y chỉ nhất,” đây cũng được bao gồm trong chữ “Đẳng”; văn rất dễ hiểu.

**17. Dẫn kinh để hỏi:**

“Nếu thế dụ nói” cho đến “giết A-la-hán” là dẫn kinh để hỏi: Nếu vậy làm thế nào để giải thích tở dụ được nói trong kinh khi Phật bảo Thỉ-khiêm-trì: “Ông đã phạm hai tội nghịch là giết cha và giết A-la-hán.” Khi Phật còn tại thế ở Nam Ấn độ có một vị vua sau khi giao hết quyền binh cho người con là thái tử Thỉ-khiêm-trì đã đến Thất la phiệt để xuất gia theo Phật và chứng được quả A-la-hán. Thái tử là người vô đạo, chuyên làm các việc phi pháp nhiều nhưong bá tánh. Lúc đó, có một vị cựu đại thần tìm đến chỗ nhà vua xin vua trở về khuyên can Thái tử. Nhà vua chấp nhận lời mời nên trở về nước mình. Các nịnh thần của Thái tử sợ rằng sẽ bị nhà vua tru diệt nên giả nói với Thái tử là nhà vua trở về để lấy lại ngôi vua, vì thế thái tử nên sai người chặn đường giết trước. Thái tử vì nghe lời nịnh thần nên đã làm theo. Nhà vua biết rõ nhân duyên của oan nghiệp này nên cam tâm chịu chết. Khi Phật biết được đã sai người đến bảo Thái tử rằng ông ta đã phạm hai tội nghịch là giết cha và giết A-la-hán. Thỉ-khiêm-trì được dịch là Đỉnh kế.

“Kia hiển bày một tội nghịch” cho đến “quở trách tội kia” là đáp: Kinh trên có ý nói về một tội nghịch mà do hai duyên là cha và A-la-hán tạo thành nên mới nói là gây ra hai tội nghịch, hoặc dùng hai lẽ ruộng ân và ruộng đức để quở trách Thỉ-khiêm-trì.

Hỏi: Trong ba câu chuyển ở trước nói rằng nếu thuộc tha sinh thì sân, giết và trộm nếu xảy ra cùng thời cũng chỉ có một chỗ y chỉ. Đã có trường hợp ba nghiệp đạo cùng thời chuyển thì dù y chỉ của việc giết cha và giết A-la-hán chỉ có một nhưng đâu nại phạm hai tội nghịch.

Giải thích: Các nghiệp sân, giết và trộm khác nhau nên kết thành nghiệp đạo riêng nhưng cắt đứt mạng sống chỉ là một nên không kết thành hai tội.

“Nếu ở chỗ Phật” cho đến “tội Vô Gián”: là giải thích câu tụng thứ năm và thứ sáu. Chữ “vô” ở dưới chỉ cho cả hai chỗ; đây là hỏi.

Phải do tâm giết, cho đến “Vô Gián thì vô” là đáp: phải có tâm sát thì khi làm cho thân Phật chảy máu mới thành tội nghịch. Nếu chỉ khởi tâm đánh cho chảy máu thì vì tội nhẹ nên không phạm tội Vô Gián.

“Nếu khi gia hạnh sát” cho đến “có phạm tội nghịch hay không” là giải thích câu tụng thứ sáu; đây là hỏi.

“Không đối với thân vô học không có gia hạnh sát sanh” là đáp; văn rất dễ hiểu.

**18. Nói về định Gia hạnh:**

“Nếu gây ra tội Vô Gián” cho đến “chắc chắn trái nhau”: là thứ tư

nói về gia hạnh định. Nếu gia hạnh Vô Gian chắc chắn thành tựu thì ở trung gian dứt khoát không thể có lìa nhiễm và đắc quả. Vì nghiệp này mạnh mẽ nên khi sinh vào đời kế tiếp thì phải thọ. Đạo lìa nhiễm này và đắc quả đạo không có công năng khiến cho nghiệp đạo này không khởi vì thế chắc chắn không có lìa nhiễm và đắc quả. Phải biết rằng gia hạnh Vô Gian có hai loại: Khả chuyển và Bất khả chuyển. Ở đây đã y theo loại bất khả chuyển để nêu câu hỏi. Luận Hiển tông quyển 23 chép: Tuy nhiên theo chỗ y cứ của tôi, thì gia hạnh Vô Gian có hai loại: gần và xa. Gần thì bất khả chuyển mà xa thì khả chuyển. Giải thích: Các luận đều nói khả chuyển là dựa vào loại xa và nói bất khả chuyển là dựa vào loại gần. Như đã được nói rộng trong luận Chánh Lý và Bà sa.] Trừ nghiệp Vô Gian, Nếu gây ra các nghiệp đạo ác khác thì thuộc gia hạnh trung gian; nếu Thánh đạo sinh thì nghiệp đạo không khởi, vì khi chuyển đến thân y chỉ thuộc Thánh vị thì chắc chắn trái với nghiệp ác này tương vi. Thánh đạo có năng lực mạnh mẽ mà nghiệp đạo kia lại có năng lực yếu kém nên có thể làm cho nghiệp này không thể hiện khởi vì thế mới được nhập Thánh. Trong lúc đạo lìa nhiễm có năng lực yếu kém nên không thể khiến cho nghiệp ác này không khởi. Lại giải thích: Không nói lìa nhiễm là vì lược qua không nói.

**19. Nói về tội nặng của quả lớn:**

“Đối với các hành vi ác” cho đến Đại quả trong các việc thiện thế gian: là thứ năm nói về tội nặng và quả lớn. Hai câu tụng đầu nói về tội nặng; hai câu tụng sau nói về quả lớn.

“Luận chép” cho đến “ân v.v... ít” là giải thích hai câu tụng đầu. Thiên thọ tuy biết tám Thánh đạo là chánh pháp và năm đạo là phi pháp nhưng vì muốn phá tăng nên nói lời dối gạt, nói trái ngược năm pháp là chánh pháp và tám Thánh đạo là phi pháp. Đây là tội nặng nhất trong các tội thuộc về Vô Gian vì đã làm thương tổn pháp thân Phật, chướng ngại người đời sinh lên tầng trời và đạo Niết-bàn. Nghĩa là sự chưa hòa hợp của tăng, sự nhập Thánh, sự đắc quả, sự lìa nhiễm, sự lậu tận của tất cả thế gian đều bị ngăn ngại; các nghiệp tu tập các định, ôn tụng kinh điển, các việc văn tự, v.v... đều được dứt hết; bánh xe pháp không xoay, thân tâm đều rối loạn, cho nên mới chiêu cảm dị thực Vô Gian trong một kiếp. Vì thế phá tăng là tội rất nặng trong năm tội Vô Gian. Bốn tội còn lại nặng nhẹ tùy theo thứ lớp sau đây: thứ năm là làm cho thân Phật chảy máu, thứ ba là giết A-la-hán, thứ nhất là giết mẹ. Ba tội này theo thứ lớp càng về sau càng nhẹ dần. Thứ hai giết cha là tội nhẹ nhất vì ít công ơn v.v... Chữ “đẳng” là chỉ cho đức. So sánh ruộng

ân và ruộng đức thì ruộng đức là hơn vì có công năng nhỏ gốc khổ sinh tử của chúng hữu tình nên có tội đối với ruộng đức thì nặng hơn. Trong ba thứ ruộng đức, phá tăng có tội nặng nhất, vì làm tổn hại pháp thân là pháp mà các bậc thầy của Chư Phật đã giảng nói; kế đến là làm cho thân Phật chảy máu có tội nặng vì công đức của Phật cao hơn A-la-hán và Phật là thầy của các bậc A-la-hán; kế đến là làm hại A-la-hán có tội nhẹ. Trong ruộng đức thì đức sau ít nên tội nhẹ, đức trước lại nhiều nên tội nặng. Trong hai loại ruộng ân thì ân cha ít hơn ân mẹ. Người mẹ cưu mang, nuôi nấng, có nhiều từ ân cho nên mẹ thì nặng mà cha thì nhẹ.

**20. Nói về tội nặng nhẹ:**

Nếu thế vì sao, cho đến “tà kiến là lớn nhất” là hỏi: Nếu ngũ nghiệp luống dối có tội nặng nhất vì sao trong các “phạt nghiệp” của thân, ngữ, ý Phật nói rằng phạt nghiệp đối với ý là nặng nhất? Phạt là trị phạt kẻ gây ranghiệp ác. Phạt nhập địa ngục cho nên nghiệp được gọi là Phạt. Lại trong các tội mà kinh nói thì tà kiến nặng nhất.

“Y theo năm Vô Gian” cho đến “như kế là nói trọng” là đáp: Trong các pháp môn, mỗi pháp môn đều có một trường hợp nặng nhất. Nếu nói về năm nghiệp Vô Gian thì phá tăng là nặng nhất; nếu nói về ba phạt nghiệp thì ý phạt là tội nặng nhất; nếu nói về năm tội nghịch thì tà kiến là tội nặng nhất, thế nên nói là “tùy theo thứ lớp để nói tội nặng nhẹ”.

“Cảm thứ nhất hữu” cho đến nói lời lành của thế gian: là giải thích hai câu tụng cuối: Hữu Đảnh thiện tư chiêu cảm quả lớn nhất. Vì dựa vào quả dị thực nên nói như vậy. Nếu trong năm quả thì dựa vào quả ly hệ để nói rằng định Kim Cương Dự tương ứng tư có công năng đặc quả lớn nhất. Tức dùng kết quả dứt hẳn quả của loại tư này. Tuy các đạo vô lậu Vô Gian tư đều đặc ly hệ nhưng không giống như loại này. Vì phân biệt với loại tư vô lậu này nên nói lời lành thế gian.

**21. Đồng loại của Vô Gian:**

“Vì chỉ có tội Vô Gian chắc chắn đọa địa ngục” dưới đây là thứ sáu nói về đồng loại của Vô Gian; đây là hỏi.

“Các Vô Gian đồng loại” cho đến “chẳng phải Vô Gian sinh” là đáp. Tất cả các nghiệp đồng loại với nghiệp Vô Gian cũng chắc chắn đọa vào địa ngục. Có thuyết cho rằng nghiệp cùng loại với Vô Gian tuy chắc chắn đọa vào địa ngục nhưng không nhất thiết là phải đọa ngay vào địa ngục vì chung cả thuận hậu và bất định, vì thế luận Chánh Lý chép: Các nghiệp đồng loại Vô Gian chắc chắn phải đọa vào đó, nhưng không chắc chắn phải đọa ngay vì chẳng phải loại nghiệp Vô Gian.

“Đồng loại là gì?” là hỏi.

“Tụng chép” cho đến “đồng loại là với năm nghịch”. Nói đồng loại nghĩa là tương tự. Người có mẹ là A-la-hán ni, hoặc đối với mẹ và A-la-hán ni làm việc cực kỳ nhiệm, là thuộc về phi phạm hạnh, đó gọi là giết mẹ đồng loại nghiệp thể; cùng gây tội nghiệp đối với mẹ nên gọi là đồng loại nghiệp. Hoặc có kẻ giết hại một vị Bồ-tát đã trụ định trong một trăm đại kiếp thì gọi là hại cha đồng loại nghiệp thể, vì Bồ-tát có ân sâu cũng giống như cha; gây ra nghiệp với vị Bồ-tát này được gọi là đồng loại nghiệp. Hoặc giết bậc Thánh hữu học thì gọi là giết A-la-hán đồng loại nghiệp thể, vì hữu học và vô học đều là bậc Thánh ruộng phước, gây ra nghiệp đối với họ đều gọi là nghiệp đồng loại. Tăng hòa hợp duyên là chỉ cho các loại đồ dùng v.v... nếu có kẻ xâm đoạt tăng hòa hợp duyên khiến cho tăng bị chia rẽ thì gọi là phá tăng nghiệp đồng loại thể. Các duyên trợ giúp cho sự hòa hợp cùng với tăng có ý nghĩa như nhau; nếu gây ra nghiệp đối với duyên hòa hợp thì tạo nghiệp đồng loại. Hoặc có kẻ phá hoại tháp Phật thì gọi là làm cho thân Phật chảy máu đồng loại nghiệp thể. mọi người cung kính tháp cũng giống như sự cung kính đối với Phật, cho nên nếu gây ra nghiệp đối với các tháp miếu này thì gọi là đồng loại nghiệp. Tất cả các trường hợp trên đây đều gọi là Năm nghịch đồng loại.

### **22. Nói về chương ba thời:**

“Có nghiệp dị thực” cho đến “hai dụ như trước” là thứ năm của toàn văn nói về chương ba thời. Đối với nghiệp bất định cũng nên trừ bỏ một phần nhỏ vì một nửa thì chương ngại nhưng nửa kia lại không chương ngại nên không nói. Cho nên Luận Chánh Lý 43 chép: Tuy nhiên, ở đây loại trừ thuận hiện thọ và thuận bất định thọ dị thực bất định nghiệp trong định dị thực chẳng phải khác xứ mà thuận thực. Từ đó biết rằng trong số thuận sinh thọ nghiệp, thuận hậu thọ nghiệp và thuận bất định thọ nghiệp, dị thực nào thuộc loại dị xứ thực đều có công năng làm chương ngại, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

### **23. Nói về tướng Bồ-tát:**

“Như ở trên nói” cho đến gọi là định: dưới đây là thứ sáu của toàn văn nói về tướng Bồ-tát, có bốn:

- 1) Nói về Trụ định vị.
- 2) Nói về Tu tướng nghiệp.
- 3) Nói về Cúng dường Phật.
- 4) Nói về sáu độ tròn đầy.

Đây là phần thứ nhất, nói về giai đoạn trụ định. Ở trên có nói về



“Bồ-tát trụ định”, như vậy ở vào giai đoạn nào thì Bồ-tát được gọi là Trụ định? Đây là hỏi về giai vị Bồ-tát. Lại hỏi: Y theo điều gì để nói đó là Định? Đây là hỏi về thế nào gọi là Định.

“Tụng chép” cho đến “cụ nam niệm vững chắc.” Hai câu tụng đầu trả lời câu hỏi thứ nhất; hai câu tụng cuối trả lời câu hỏi thứ hai. Ở đây khi nói “định” là nói quyết định sinh vào đường lành, v.v... nên gọi là định, chứ chẳng phải vì đắc định. Bồ-tát an trụ ở nơi này nên gọi là trụ định.

“Luận chép” cho đến và nhà giàu sang v.v... là giải thích sơ lược tụng bốn; văn rất dễ hiểu. Về ba mươi hai tướng, luận Bà-sa quyển 177 có giải thích đầy đủ.

“Sinh về đường lành,” cho đến “thường không lui sụt”: là giải thích riêng nửa phần sau của bài tụng. Thứ nhất là giải thích đường lành, thứ hai là giải thích về nhà giàu sang; hoặc sinh vào nhà Bà-la-môn, hoặc Sát đế lợi, hoặc trưởng giả giàu có, hoặc đại Bà-la-môn. Bà-la Hán dịch là Hào tộc; hoặc nói đại Bà-la-môn là chỉ cho cả ba chỗ trên, ba là giải thích về cụ, thứ tư là giải thích về nam, năm là giải thích về niệm, sáu là giải thích về kiên, tức không lui sụt nên gọi là kiên.

#### **24. Giải thích riêng về không lui sụt:**

“Nghĩa là đối với lợi lạc” cho đến đều có công năng gánh vác: là giải thích riêng về không lui sụt. Đà-bà, Hán dịch là nô; không phải dùng tiền mua nên nói là Vô giá. Tức vị Bồ-tát này nhận sự phục dịch của người và làm lợi ích hữu tình, cũng tương tự như người không dùng tiền mà mua được nô tài. Nói “vô duyên đại bi” là Bồ-tát khởi tâm đại bi không phải chỉ vì các chúng sinh có ân với Ngài mà cho cả những chúng sinh không có ân với Ngài; Thường gắn bó với chúng sinh và vì không có tâm kiêu mạn nên xem tất cả chúng sinh cũng giống như thân mình. Lúc chúng sinh cần mắt, v.v... thì liền bố thí nên nói là việc khó cầu. Thường thay thế chúng sinh thọ các thứ đau khổ nên nói là việc nhọc nhằn. Tất cả các dẫn chứng trên để nói về ý nghĩa không lui sụt; văn còn lại rất dễ hiểu. Luận Chánh Lý chép: Vì phải có giai đoạn tu tập nghiệp diệu tướng? Bồ-tát vừa được gọi là Trụ định thì lúc đó cả người và trời đều biết đến. Lúc đầu chỉ có các vị trời biết được. Hoặc lúc đó đang hưởng về giai vị Đẳng giác. Trước đó chỉ có giai vị đẳng giác chứ không có pháp nào khác. Giải thích: Lúc tu tướng nghiệp và lúc đến được bồ đề thì chắc chắn trước đó là bồ đề quyết định chứ không có quyết định nào khác.

#### **25. Nói về tu tướng nghiệp:**

“Tu tướng nghiệp nhiệm mầu cho đến đều có trăm phước tô điểm” là phần hai nói về tu tướng nghiệp.

“Luận chép” cho đến “chẳng phải loại văn tu”: là giải thích hai câu tụng đầu.

- 1) Giải thích về Thiệm-bộ.
- 2) Giải thích về nam.
- 3) Giải thích về đối Phật.
- 4) Giải thích về ân Phật.
- 5) Giải thích về các thành tựu của tư.

Vì thế, luận Chánh Lý chép: Là tư sở thành chứ chẳng phải tu sở thành vì thuộc giới bất định và dị thực được chiêu cảm lệ thuộc loại này. Cũng không phải do văn thành vì tánh yếu kém và cũng không phải do gia hạnh sinh đặc phát khởi.

Luận Bà-sa quyển 177 chép “Hỏi: Tướng nghiệp dị thực lấy gì làm tự tánh? Là thân nghiệp, ngữ nghiệp hay ý nghiệp?”

Đáp: Ba nghiệp là tự tánh, tuy nhiên ý nghiệp tăng thượng hơn. Có thuyết cho rằng chỉ có ý nghiệp là tự tánh chứ không phải thân nghiệp và ngữ nghiệp. Vì ý nghiệp lan lợi trong lúc thân nghiệp và ngữ nghiệp chậm lụt.

Hỏi: Tướng nghiệp dị thực ở tại ý địa hay ở năm thức thân?

Đáp: Tại ý địa chứ chẳng phải ở năm thức thân. Vì ý thức có phân biệt, cần phải quán sát rồi mới hành động; năm thức không có phân biệt, chỉ tùy theo năng lực của cảnh giới mà khởi.

Hỏi: Tướng nghiệp dị thực do gia hạnh đặc, lìa nhiễm đặc, hay sinh đặc?

Đáp: Chỉ do gia hạnh đặc mà không do ly hệ đặc hoặc sinh đặc. Vì loại nghiệp này phải do tu tập các pháp Ba-la-mật-đa trong ba vô số kiếp. Trong thân tròn đầy, gia hạnh công dụng tác ý nên sau đó mới đặc được. Có thuyết cho rằng nghiệp này do gia hạnh đặc và cũng là sinh đặc.

Hỏi: Tướng nghiệp dị thực do văn thành tựu, tư thành tựu hay tu thành tựu?

Đáp: Do tư thành tựu. Vì loại nghiệp này cao siêu nên không do văn thành tựu, và thuộc cõi Dục hệ nên không do tu thành tựu. Có thuyết cho rằng loại nghiệp này do văn và tư thành tựu.

Giải thích: Tuy luận Bà-sa không có lời bình nhưng các luận đều đồng ý với thuyết đầu, tức cho thuyết này là đúng.

Hỏi: Khởi ở xứ nào?

Đáp: Ở cõi Dục. Nhưng chỉ ở châu Thiệm-bộ mà không có ở các châu khác.

Hỏi: Nương vào thân nào để khởi?

Đáp: Nương vào thân nam chứ không phải thân nữ v.v...

Hỏi: Khởi vào lúc nào?

Đáp: Khi có Phật ra đời.

Hỏi: Duyên vào cảnh nào để khởi?

Đáp: Hiện tiền duyên Phật, khởi tư nguyện cao siêu mà không duyên các cảnh khác.

Hỏi: Ba mươi hai tướng đại tượng phu do một hay nhiều tư dẫn khởi?

Giải thích: Các nhà lời bình nói rằng ba mươi hai tư dẫn ba mươi hai tướng Đại tượng phu và mỗi tướng lại do nhiều nghiệp làm cho tròn đầy.

Hỏi: Ba mươi hai tư do Bồ-tát sinh khởi sẽ dẫn khởi tướng nào đầu tiên trong ba mươi hai tướng?

Đáp: Có thuyết nói trước dẫn khởi tướng lòng bàn chân bằng phẳng khéo an trụ, sau đó mới đến các tướng khác vì chân phải đứng vững trước rồi mới đến các phần khác. Có thuyết cho rằng trước là tướng mắt xanh nâu vì phải dùng mắt từ để quán sát thế gian trước. Như vậy thấy rằng điều này không chắc chắn. Tùy theo sự hòa hợp giữa các duyên của loại tướng nào thì dẫn khởi loại tướng đó.

“Chỉ hơn trăm kiếp” cho đến “chín mươi mốt kiếp” là giải thích câu tụng thứ ba. Ngoài trải qua ba vô số kiếp, các trường hợp khác như chỉ trong một trăm kiếp mà tạo được tu tướng nghiệp dị thực thì không có nhiều. Các pháp làm nhân cho sự thành Phật lẽ ra cũng như vậy, đều phải trải qua trăm đại kiếp mới tu được tướng nghiệp dị thực. Từ “Chỉ có Bạc-già-phạm” trở xuống là phân biệt khác nhau. “Tụ lạc chủ” là chỉ cho thành chủ hoặc ấp chủ. Văn còn lại rất dễ hiểu. Theo Hữu bộ, sau khi ra khỏi ba vô số kiếp tu tướng mâu nhiệm rồi nghiệp mới xa lìa bốn lỗi thành hai thứ công đức.

#### **26. Nêu chủ trương khác:**

“Có cựu sư nói,” cho đến “được hai công đức” là nêu thuyết khác. Các luận sư đời trước của Kinh bộ cho rằng từ khi ra khỏi vô số kiếp đầu đến nay đã xa lìa bốn lỗi và đắc hai thứ công đức. Nói “xa lìa bốn lỗi” là chỉ cho đường ác, nhà nghèo thiếu chi và thân nữ v.v... Nói “được hai thứ công đức” là chỉ cho túc mạng niệm và không lui sụt.

“Như trước nói,” cho đến “trăm phước trang nghiêm” là giải thích

câu tụng thứ tư: Cũng giống như đã nói về ba mươi hai tướng ở trên, mỗi tướng đều có trăm phước trang nghiêm.

Hỏi: vì sao nói là trăm phước?

Đáp: Ở đây trăm phước là chỉ cho trăm tư vì thế luận Bà-sa quyển 177 chép “Hỏi: Khế kinh nói mỗi diệp tướng của Phật đều do trăm phước trang nghiêm. Vậy trăm phước là gì? Đáp: Ở đây trăm Tư gọi là trăm phước.

Hỏi: Bách Tư là gì?

Đáp: Như khi Bồ-tát tạo tác thứ nghiệp làm thêm lớn dưới lòng bàn chân bằng phẳng thì trước phải khởi năm mươi tư để tu trị thân khiến cho thanh tịnh điều nhu, kế đến lại khởi một Tư để dẫn khởi nghiệp này, sau cùng lại khởi năm mươi tư để làm cho nghiệp tròn đầy. Cũng giống như nông phu trước phải làm cho đất ruộng bằng phẳng, kế mới gieo giống và sau cùng là bón phân, tưới nước. Giống như gây ra nghiệp dưới lòng bàn chân bằng phẳng, tất cả các nghiệp tạo các tướng còn lại cho đến tướng nghiệp ô-sát-nhị-sa ở đỉnh đầu cũng đều được trăm phước trang nghiêm.

Hỏi: Thế nào là năm mươi tư?

Đáp: Dựa vào mười nghiệp đạo và mỗi nghiệp đạo đều có năm tư, như nghiệp đạo lìa sát có năm tư là ly sát tư, trợ đạo tư, tán mỹ tư, tùy hỷ tư, và hồi hướng tư. Cho đến chánh kiến cũng như vậy nên nói là năm mươi tư. Có thuyết cho rằng tuy dựa vào mười nghiệp đạo nhưng mỗi nghiệp đạo đều khởi thiện tư thuộc năm phẩm hạ, trung, thượng, hạ thắng, và hạ cực; cũng giống như tạp tu tĩn lự. Có thuyết lại cho rằng cũng dựa vào mười nghiệp đạo và mỗi nghiệp đạo cũng khởi năm thứ tư nhưng đó là gia hạnh tịnh, căn bản tịnh, hậu khởi tịnh, phi tầm sở hại và niệm nhiếp thọ. Có thuyết nói rằng nhờ duyên theo các tướng của Phật để khởi năm mươi sát-na chưa hề tu tập nối tiếp mà chuyển. Luận Chánh Lý chép: Lại có luận sư cho rằng mỗi tướng nghiệp đều nhờ duyên vào Phật; chưa hề tu tư nhưng vẫn có trăm thứ hiện tiền để trang sức tướng tốt.

### **27. Lượng của mỗi phước là bao nhiêu:**

“Thế nào gọi là mỗi phước lượng” là hỏi về lượng của mỗi phước.

“Có thuyết chỉ trừ” cho đến “chỉ có Phật mới biết:” Được gần Phật và Bồ-tát chính là người đã tu phước nghiệp trong trăm kiếp, cho nên không nói. Ở đây cả ba thuyết được văn tụng nói, văn rất dễ hiểu. Tuy nhiên chỉ cho thuyết sau là đúng. Vì thế luận Bà-sa quyển 177 chép:

Các nhà lời bình đều cho rằng lời trên đều từ ý lạc thuần tịnh để khen ngợi phước lượng của Bồ-tát. Tuy nói vậy vẫn chưa biểu hiện được hết ý nghĩa. Thật ra mỗi phước lượng của Bồ-tát đều là vô lượng vô biên, vì trong ba vô số kiếp Bồ-tát đã chứa nhóm tràn đầy các Ba-la-mật-đa và vì tư nguyện được dẫn khởi quá rộng lớn, cho nên ngoài Chư Phật ra không ai biết được.

**28. Nói về cúng dường Chư Phật:**

Nay đại sư của ta cho đến “bảy ngàn Phật” dưới đây là thứ ba nói về cúng dường Chư Phật, gồm

- 1) Nói về số lượng đức Phật được cúng dường.
- 2) Nói về gặp danh hiệu Phật.

Đây là phần một nói về số Phật: Trong ba kiếp thì giai đoạn về sau dần dần trở nên cao siêu cho nên cúng dường Phật nhiều. Giai đoạn trước kém hơn giai đoạn sau nên cúng dường Phật ít, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

**29. Được nghe danh hiệu Phật:**

“Ba vô số kiếp” cho đến “mỗi mỗi đều đồng với kia”: là thứ hai nói về gặp danh hiệu Phật; vẫn rất dễ hiểu. (Hỏi) Theo luận Đại Trí Độ, thời kỳ chánh pháp trong năm trăm năm nhưng ở đây lại nói một ngàn năm. Như vậy có trái nhau không? Giải thích: Theo luật Thiện Kiến thì vì độ ni nên giảm năm trăm năm nhưng nhờ thực hành tám pháp tôn kính nên có lại năm trăm năm. Luận trên y theo thời gian mới bị giảm nên nói là năm trăm; luận này lại y theo thời gian sau khi giảm nên nói một ngàn năm. Chân Đế lại nói rằng khi Phật nhập Niết-bàn đến nay đã được một ngàn hai trăm sáu mươi lăm năm.

**30. Nói về sáu độ tròn đầy:**

“Thích ca Bồ-tát” của ta cho đến “như thứ lớp tu tròn đầy” là thứ tư nói về sáu độ tròn đầy. Bốn câu thuộc bài tụng đầu nói về giai đoạn thứ nhất; bài tụng cuối đối chiếu sáu giai đoạn và bốn giai đoạn với nhau.

“Luận chép” cho đến “tu tập tròn đầy” là giải thích về giai đoạn thứ nhất: Tu tập bố thí tròn đầy. Nói “đời sống cao siêu khác nhau” là chỉ cho cuộc sống ở cõi người, tầng trời. Vẫn còn lại rất dễ hiểu.

“Nếu bảy giờ Bồ-tát” cho đến “tu tập tròn đầy”: là giải thích giai đoạn thứ hai, nói về sự tu tập tròn đầy giới và nhẫn: Tan thân cũng không đến đáp được tịnh giới tròn đầy; tâm không phần hận nên nhẫn nhục tròn đầy. Vì thế luận Chánh Lý chép: Nhẫn tròn đầy nghĩa là không có tâm phần hận đối với hữu tình. Giới tròn đầy có nghĩa là không khởi các

nghiệp thân, ngữ hại người. Tâm không phần hận nên không có ác thân, ác ngữ. Khi không phần hận thì giới nhẫn đều tròn đầy.

“Nếu bảy giờ Bồ-tát” cho đến “tu tập tròn đầy” là giải thích giai đoạn thứ ba: Tu tập tinh tấn tròn đầy. Tiếng Phạm là “ĐỂ-sa” Hán dịch là tròn đầy, là tên một ngôi sao.

Luận Bà-sa quyển 177 chép “Hỏi: Nghiệp tướng dị thực này trải qua thời gian bao lâu mới tu tập tròn đầy?”

Đáp: Phần nhiều đều phải trải qua một trăm đại kiếp, chỉ trừ Bồ-tát Thích ca, vì Bồ-tát cực kỳ tinh tấn nên đã vượt qua chín đại kiếp và chỉ tu tập tròn đầy trong chín mươi một đại kiếp thì đắc được Chánh đẳng Vô thượng Bồ đề. Như Khế kinh nói thuở quá khứ có vị Phật tên ĐỂ-sa hay còn gọi là BỔ sa. Vị Phật này có hai đệ tử đều là Bồ-tát siêng năng tu tập phạm hạnh. Một vị tên là Thích-ca Mâu-ni. Hán dịch là Năng tịch, tức có công năng dứt bỏ các điều ác. Vị còn lại là Mai-đát-lê-dược. Mai-đát, Hán dịch là từ; lệ-dược là Thị. Bồ-tát sinh ra trong nhà họ Từ, theo họ mà đặt tên nên gọi là Từ thị. Xưa dịch nhầm là Di lạc. Lúc đó, Phật ĐỂ-sa quán sát hai đệ tử thì biết được rằng Từ thị có căn thành thực trước và Năng Tịch có căn cơ thành thực sau. Phật lại quán sát vị nào giáo hóa hữu tình khiến cho căn cơ của họ được thành thực trước thì thấy rằng các chúng sinh được Thích ca giáo hóa có căn cơ thành thực trước. Biết vậy, Phật ĐỂ-sa bèn nghĩ cách làm thế nào để giúp cho cơ cảm của Bồ-tát được hội ngộ nhau. Tuy nhiên giúp một người được nhanh chóng thành thực thì dễ nhưng nhiều người thì khó. Nghĩ đoạn, Phật bảo Bồ-tát Thích ca: Ta muốn lên núi đạo chơi. Ông hãy đi theo ta. Lúc đó, Phật đem theo ni sư đàn và ra đi trước. Khi đến núi Ngài vào một điện thờ bằng phệ-lưu-ly, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, nhập định hỏa giới trong bảy ngày đêm, thọ hỷ lạc nhiệm mầu, uy quang chiếu sáng. Sau đó Bồ-tát Thích ca cũng lên được đến núi, tìm Phật khắp nơi giống như trâu con tìm mẹ. Khi đi lần đến trước điện thờ thì bỗng nhiên nhìn thấy Đức Phật uy nghi ngồi thẳng, ánh sáng soi chiếu. Bồ-tát tâm thành phát khởi vui mừng, không thể đi được, bất giác quên bỏ một chân xuống. Bồ-tát chuyên chú chiêm ngưỡng tôn nhan Phật suốt bảy ngày đêm, rồi làm bài tụng khen ngợi Phật rằng:

*Thiên địa thử giới đa văn thất,  
Thệ cung thiên xứ thập phương vô,  
Trượng phu Ngưu vương Đại sa môn,  
Tâm địa sơn lâm biến vô đẳng.*

Trời, đất, cõi này, thất Đa Văn. Thệ cung, tầng trời khắp mười

phương không có được. Bạc trượng phu, Ngưu vương, Đại sa môn, tìm khắp núi, rừng vẫn không có.

Khi khen ngợi xong liền vượt qua chín kiếp mà chứng đắc Vô thượng giác trước Từ thị.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đã gần Phật thì đối với danh cú, văn thân đều có được sự khéo léo tự tại chưa từng có thì lẽ ra có thể dùng đến rất nhiều cách thức khác nhau để khen ngợi Đức Phật, vì sao qua bảy ngày đêm mà chỉ có một bài tụng để khen ngợi?

Đáp: Lúc đó Bồ-tát có tư nguyện cao siêu nên không chú trọng đến văn tụng. Nếu thay đổi văn tụng thì tư nguyện không thuần. Hơn nữa lúc đó, Bồ-tát sợ hãi tán loạn, tâm cũng thay đổi như sự khác nhau của văn tụng thì làm sao có thể nhất tâm chú ý. Bồ-tát cũng còn muốn biểu lộ tâm không mệt mỏi của mình nên chỉ trong một bài tụng mà đã phát khởi được tư nguyện cao siêu thường hằng.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát Từ Thị có căn cơ được thành thực trước nhưng chúng sinh được Ngài giáo hóa lại có căn cơ thành thực sau, nếu vậy Bồ-tát Thích ca có trái với điều này hay không?

Đáp: Bồ-tát Từ thị thường làm lợi ích cho mình mà ít làm lợi ích cho người trong lúc Bồ-tát Thích ca lại thường làm lợi ích cho người mà ít làm lợi ích cho mình. Vì thế chúng sinh được giáo hóa không giống nhau.

Giải thích bài tụng trên: “Trời đất” là nêu chung, là trên trời và dưới thế gian. Cõi này là chỉ cho Tam thiên Đại thiên thế giới. “Đa Văn thất” là chỉ cho cung trời Tỳ-sa-môn. Lòng kính tín của tầng trời này nổi tiếng khắp mười phương nên nói là Đa văn. “Thệ cung” là chỉ cho cung Phạm vương. Vị Phạm vương này tự cho mình là thường, nên để đối trị kiến chấp này Phật bèn gọi cung này là Thệ Cung. Chữ Thệ nghĩa là vô thường. Lại giải thích: Thệ cung là nhân cung; nhân cung vốn mau chóng bị diệt hoại nên nói là Thệ cung. “Thiên xứ” là chỉ cho các tầng trời khác ngoài thất Đa văn và Thệ cung. “Mười phương vô” nghĩa là không chỉ ở Tam thiên Đại thiên thế giới không có, mà các thế giới khác ở mười phương cũng không có. Tìm kiếm khắp nơi cũng không có ai bằng, nên nói là Trượng phu, Ngưu vương, Đại sa môn. Nay ta tìm kiếp khắp nơi, khắp núi, khắp rừng mà vẫn không ai bằng đức Thế tôn của ta. Lại giải thích: “Thất Đa văn” nghĩa là trong số các tầng trời cõi Dục chỉ nêu một tầng trời đầu tiên để nói hai tầng trời còn lại và các tầng trời ở trên. “Thiên xứ” là chỉ cho các tầng trời thuộc cõi vô sắc. Các tầng trời còn lại được giải thích giống như trên.



### **31. Nói về tu định tròn đầy:**

“Bấy giờ Bồ-tát” cho đến “tu tập tròn đầy” là giải thích giai đoạn thứ tư nói về tu định tròn đầy và tu tuệ tròn đầy: Từ Tận trí trở đi gọi là Vô thượng giác; kế đến là giai đoạn trước Vô thượng giác tức định Kim Cương Dự. Lúc này tu tập định tuệ đều được tròn đầy. Ở đây đã y theo giai đoạn nhân của hạnh Bồ-tát để nói về sáu độ chứ không y theo giai đoạn của quả. Nếu y theo giai đoạn quả thì nói khi sáu độ tròn đầy cũng là lúc đắc tận trí. Vì thế luận Bà-sa quyển 178 chép: gồm “Có ba thuyết. Thuyết thứ ba cho rằng tất cả sự trình bày ở trên đều dựa vào sự tăng thượng của nhất thời, nhất hành để nói là tròn đầy. Như thật nghĩa, lúc đắc tận trí thì bốn ba-la-mật-đa này mới được tròn đầy.” Luận này giống như thuyết thứ hai. Luận Chánh Lý lại chép: Đúng lý ra ở giai đoạn này phải nối tiếp không dứt quãng thì mới có thể tròn đầy, vì phải đến khi được tận trí mới thành tựu tròn đầy.

Đến được nơi mình phải đến cho đến “ba-la-mật-đa” nhằm giải thích câu tụng thứ năm: Sáu ba-la, Hán dịch là bỉ ngạn; mật-đa dịch là đáu. Bồ-tát có công năng đến được bến bờ bên kia bằng cách tự mình nương vào công đức tròn đầy của mình. Vì thế sáu thứ này được gọi là ba-la-mật-đa.

“Khế kinh nói có” cho đến “sai khác như nghiệp đạo” dưới đây là thứ bảy của toàn văn nói về thí, giới, tu; gồm có hai: một là nói lược về thí, giới, tu, hai là nói rộng về thí, giới, tu. Đây là nói lược về thí, giới, tu.

### **32. Giải thích sơ lược văn tụng:**

“Luận chép” cho đến “chẳng phải nghiệp chẳng phải sự” là giải thích sơ lược văn tụng: Thiện được gọi là phước; tạo tác được gọi là nghiệp, tức thân ngữ và ý tứ. Chỗ nương tựa của tư gọi là sự. Loại là tánh loại. Vì thế luận Bà-sa quyển 126 chép: Tánh thí, tánh giới, tánh tu. Cho nên biết rằng các loại tánh có tên gọi khác nhau nhưng nghĩa giống nhau. Ba thứ thí, giới, tu vốn là thiện nên đều là Phước. Cả ba thứ này hoặc là nghiệp hoặc là sự, nhưng tùy theo sự thích ứng, như nghiệp đạo đã nói”. Nghĩa là giống như khi phân biệt mười nghiệp đạo, có trường hợp vừa là nghiệp vừa là đạo như bảy thứ nghiệp trước; có trường hợp chỉ là đạo mà không phải nghiệp như ba thứ nghiệp sau. Chữ Đạo bao gồm cả mười loại nhưng chữ Nghiệp chỉ bao gồm bảy thứ. Phải biết rằng ở đây phước, nghiệp và sự cũng có các tánh chất như vậy. Phước bao gồm tất cả, nhưng nghiệp và sự thì không chắc chắn. Tất cả thành bốn trường hợp để so sánh.

### **33. Y theo thí, giới, tu để nói về phước nghiệp sự:**

“Lại trong thí loại” cho đến “chỉ gọi là phước” dưới đây là thứ y theo thí, giới, tu để nói về phước, nghiệp và sự. Ở đây nói theo bố thí. Trong bố thí thì hai nghiệp thân, ngữ có đủ nghĩa và danh của ba thứ phước, nghiệp, sự; vì thiện nên gọi là phước, có tạo tác nên gọi là Nghiệp, là nơi nương tựa của Tư nên gọi là sự. Vì thế, luận Chánh Lý chép: Đối với loại thí thì hai nghiệp thân ngữ có đủ danh và nghĩa của ba thứ phước, nghiệp, sự, vì thiện nên gọi là phước, vì tạo tác nên gọi là nghiệp, là sở y của năng đẳng khởi thân ngữ nghiệp tư nên gọi là Sự. (Trên đây là văn luận). Loại nhân đẳng khởi tư chỉ gọi là phước nghiệp; vì thiện nên gọi là phước, vì tạo tác nên gọi là nghiệp, không phải là chỗ nương tựa của tư nên không phải sự. Các pháp câu hữu với tư chỉ được gọi là phước; vì thiện nên gọi là Phước, không tạo tác nên chẳng phải nghiệp, không phải nơi tư chính thức nương tựa nên chẳng phải sự, bởi vì tư phát khởi chủ yếu là nương vào thân ngữ cho nên các pháp câu hữu không được gọi là Sự.

“Giới loại đã chỉ có” cho đến “phước nghiệp sự danh” đây là y theo loại giới. Loại giới vốn chỉ là tánh thân nghiệp ngữ nghiệp nên đều có đủ các tên gọi phước, nghiệp, sự. Vì thiện nên gọi là phước, tạo tác nên gọi là nghiệp, là sở y của tư nên gọi là sự.

### **34. Trình bày theo loại tu:**

“Tu từ trong loại” cho đến “chỉ được gọi là phước” là y theo loại tu để trình bày. Trong loại này có từ vô sân là tánh và chỉ được gọi là phước sự; vì thiện nên gọi là phước, là nơi nương tựa của tư nên gọi là sự. Từ được gọi là sự vì là sự của nghiệp và vì tư nghiệp tương ứng với từ lấy từ làm nơi tạo tác cho nên từ được gọi là sự. Chẳng tạo tác nên không gọi là Nghiệp. Tư câu hành với từ, và giới câu hành với từ chỉ được gọi là phước nghiệp; vì thiện nên gọi là phước, có tạo tác nên gọi là Nghiệp, không phải chỗ nương tựa của Tư nên chẳng phải sự. Tư câu hữu với từ và giới câu hữu với từ chẳng phải là nơi tư nương tựa chính là sinh khởi nên chẳng phải sự, vì tư chủ yếu nương vào từ để khởi cho nên chỉ có từ được gọi là Sự.

Hỏi: Vì sao trong loại giới thì giới được gọi là Sự nhưng trong loại tu thì giới lại chẳng phải sự?

Giải thích: Trong loại giới thì giới y theo giới biệt giải thoát, là chỗ nương tựa của Tư nên mới gọi là Sự. Trong loại tu, giới lại thuộc tùy tâm chuyển giới, không phải là nơi nương tựa chính thức của Tư nên chẳng phải Sự.

Các pháp câu hữu khác câu hành với từ chỉ có một tên gọi là phước; vì thiện nên gọi là phước, không tạo tác nên không gọi là nghiệp, không phải chỗ nương gá chủ yếu của tư nên chẳng phải sự.

“Hoặc gọi là phước nghiệp” cho đến “khởi phước gia hạnh” là thứ hai giải thích: Hoặc gọi phước nghiệp là chỉ cho ý nghĩa làm phước, tức phước gia hạnh chính là tiền gia hạnh của thí, giới, tu. Gia hạnh tức là phước nên gọi là phước gia hạnh, nghĩa là loại gia hạnh này thuộc về thiện nên gọi là phước, có tạo tác nên gọi là Nghiệp. Hoặc gia hạnh của phước; phước là thí, giới, tu; nghiệp là tiền gia hạnh của phước nên gọi là phước gia hạnh. Sự là chỉ cho sở y, tức thí giới tu là việc sở y của phước nghiệp, làm thành các sự thí giới và tu vì thế mới khởi phước gia hạnh trước đó. Lại giải thích: Hoặc gọi là phước nghiệp là nói làm phước, tức phước gia hạnh là năng y và sự là sở y, nghĩa là năng y và sở y của thí giới tu hòa hợp nên mới nói là việc phước nghiệp.

“Có thuyết nói chỉ có tư” cho đến vì “phước nghiệp chuyển” là thứ ba giải thích: Kinh bộ cho rằng chỉ có tư mới thật là phước nghiệp. Vì thiện nên gọi là phước, có tạo tác nên gọi là nghiệp, chẳng phải là việc sở y nên không gọi là sự. Sự của phước nghiệp chính là thí, giới và tu vì ba thứ này là môn sở y để phước nghiệp chuyển, là nơi nương gá của tư nên ba thứ này mới chính là sự, lại không có phước nghiệp thật sự nên không được gọi là Phước nghiệp. Lại giải thích: Nói tư mới thật là phước nghiệp là chỉ cho năng y; nói sự của phước nghiệp là thí, giới và tu là chỉ cho sở y, gồm cả năng y và sở y nên nói là việc phước nghiệp. Luận Chánh Lý quyển 14 cũng có ba giải thích và đều giống như luận này.

“Pháp nào gọi là thí, thí chiêu vời quả gì”: dưới đây là thứ hai, nói rộng về thí, giới và tu, gồm có ba: Bố thí, Giới Tu, Pháp thí. Phần nói về Bố thí gồm có chín điểm:

- 1) Thể và quả của thí.
- 2) Sự khác nhau về lợi ích của bố thí.
- 3) Các nhân khác nhau của quả bố thí.
- 4) Thí phước trên hết.
- 5) Thí quả vô lượng.
- 6) Các tánh chất nặng nhẹ của nghiệp.
- 7) Tạo tác và thêm lớn.
- 8) Phước do bố thí Chế-đa.
- 9) Quả do nội tâm.

Đây là phần thứ nhất nói về thể và quả của sự bố thí. Câu hỏi thứ

nhất nói về pháp nào được gọi là thí; câu hỏi thứ hai về loại quả nào được sự bố thí chiêu cảm.

“Tụng chép” cho đến “điều này chiêu cảm quả rất giàu sang:” Ba câu tụng đầu trả lời câu hỏi thứ nhất; câu cuối trả lời câu hỏi thứ hai.

“Luận chép” cho đến “là thể chân thí” nhằm giải thích câu tụng đầu. Tuy tài vật được xả bỏ cũng gọi là thí nhưng trong loại bố thí này phải có đầy đủ các ý nghĩa của sự xả bỏ mới gọi là Thí. Nghĩa là phải do thân nghiệp ngữ nghiệp cộng với công năng phát khởi thì mới thành tựu sự xả bỏ tài vật. Xả bỏ tài vật mà do thân ngữ và công năng phát khởi thì mới là thể của sự bố thí chân chính. Nói xả là bỏ và cho, nói đầy đủ là nghĩa của nhân.

“Hoặc do sợ hãi” cho đến “điều này đầy đủ gọi là thí” là giải thích câu tụng thứ hai: Hoặc do bố úy thí và mong cầu thí thuộc tám thứ bố thí. Hy cầu thí là bố thí mà mong cầu được đền đáp hoặc hy vọng sinh lên tầng trời hoặc nói “hy” là chỉ cho hy thiên thí và “cầu” là cầu báo thí. Vì khởi tham đối với hai loại bố thí này nên nói “Tham”. Chữ “Đẳng” là chỉ cho các trường hợp khác chưa nói, tức trừ trường hợp thứ tám ra đều bao gồm bảy thứ còn lại. Bảy thứ bố thí này cũng thành tựu sự xả bỏ tài vật tuy nhiên không phải là ý chính ở đây. Vì phân biệt với bảy thứ này nên nói về “cúng dường”. Nghĩa là đối với người đáng tôn trọng thì cúng dường, đối với người nghèo khổ thì giúp đỡ vì thế mới có sự xả bỏ tài vật, sự xả bỏ này được gọi là Thí. Đây là bố thí thứ tám trong tám thứ bố thí.

Cụ danh là gì: dưới đây là giải thích câu tụng thứ ba; đây là hỏi.

“Vị thân nghiệp ngữ nghiệp và năng phát này” là đáp.

“Năng phát là gì” là gọn lại.

“Nghĩa là vô tham cầu” cho đến “lập chung gọi là thí” là đáp: nghĩa là lúc không có tham mà lại tập khởi được thân nghiệp ngữ nghiệp, pháp tâm, tâm sở thì gọi là năng phát. Lại giải thích: nghĩa là lúc không đi chung với tham mà pháp tâm và tâm sở có công năng phát khởi các thân nghiệp ngữ nghiệp này thì công năng phát khởi này được gọi là năng phát. Giải thích trước hợp lý hơn. Dẫn tụng để chứng minh. Sát-na thiện năm uẩn được gọi chung là Thí. Ở đây khi nói “sát-na” không phải chỉ cho một sát-na mà là tất sát-na cho nên gồm bốn uẩn thuộc Nhân đẳng khởi tâm, tâm sở năng phát và sắc uẩn do thân ngữ phát ra. Năm uẩn thuộc thiện trước và sau này hợp chung lại gọi là sát-na. Lại giải thích: Bài tụng này y theo sát-na đẳng khởi nên nói năm uẩn thiện sát-na gọi chung là Thí.

Hỏi: Luận Bà-sa quyển 29 khi giải thích về thể của sự cúng dường tài vật đã có lời bình rằng “dù tài vật được xả bỏ, là hai nghiệp thân ngữ có công năng xả bỏ, là công năng phát khởi pháp tâm tâm sở, hay là người nhận sau khi nhận xong có sắc sở tạo thuộc các căn thêm lớn thì tất cả các trường hợp trên đều là tự tánh của bố thí. Cúng dường tài vật như thế đều dùng năm uẩn để làm tự tánh.” Theo nhận xét trên đây của Bà-sa thì tài vật được xả bỏ cũng là thể của bố thí, vì sao luận này không y theo tài vật.

Giải thích: Các nhà lời bình của Bà-sa đã nêu ra thể của tài thí nên mới đề cập đến tài vật được xả và các căn v.v... Luận này chỉ y theo thể của bố thí chân thật cho nên mới nói đầy đủ các nghĩa của xả gọi là thí.

Nên biết như thế cho đến nhờ loại cỏ tranh, v.v... là giải thích câu tụng bốn: Phải biết rằng phước nghiệp thuộc loại bố thí như trên có công năng chiêu cảm quả báo rất giàu sang ở hiện tại cũng như vị lai. Nói “thí loại phước” tức loại gọi là thể, nói lên ý nghĩa phước lấy thí làm thể. Cũng như khi nói “diệp loại khí”, tức người Ấn thường lấy lá sen, v.v... để làm đồ dùng nên mới nói đồ dùng có lá làm thể; hoặc khi nói “nhà loại cỏ tranh” tức là căn nhà lấy cỏ tranh làm thể. Chữ “Đẳng” là chỉ cho những điều chưa nói đến, tỷ dụ như hai loại giới và tu, y theo các trường hợp trên đây để giải thích.

### **35. Nói về các lợi ích khác nhau của sự bố thí:**

“Thế nào là lợi ích cho đến không phải là hai hành thí” là phần hai nói về các lợi ích khác nhau của sự bố thí.

“Luận chép” cho đến “cung kính báo ân.” Nói “siêu quả địa” là bậc Thánh lìa dục vượt qua giai đoạn chịu quả dị thực cõi Dục. Văn còn lại rất dễ hiểu.

### **36. Các nhân khác nhau của quả Bố thí:**

Trước đã nói chung cho đến “quả có sai khác”: dưới đây là thứ ba nói về các nhân khác nhau của quả bố thí, gồm có hai: (1) nói chung về các hạng thí chủ, v.v... khác nhau; (2) nói riêng về người bố thí tiền bạc và các loại ruộng ân v.v... Đây là thứ nhất, kết thúc phần trước và nêu câu hỏi. Trước đây đã nói chung về bố thí chiêu cảm quả rất giàu sang do bố thí chiêu cảm; nay kế sẽ nói về quả bố thí có nhân là các hạng thí chủ khác nhau hoặc người chịu quả bố thí có các nhân khác nhau, hoặc chữ “khác nhau” là chỉ cho cả quả và nhân. Văn còn lại rất dễ hiểu.

### **37. Nói riêng về người bố thí và các thứ ruộng:**

“Lại do thí chủ” cho đến “ưng thời khó đoạt quả” dưới đây là thứ

hai, nói riêng về người bố thí tài vật và các thứ ruộng như ruộng ân, v.v... gồm có ba: nói về thí chủ khác nhau, nói về Tài vật khác nhau, nói về Các loại ruộng khác nhau. Đây là thứ nhất nói về thí chủ khác nhau.

“Luận chép” cho đến “có khác với quả” là giải thích câu tụng đầu: Do thí chủ thành tựu được công đức thuộc bảy thứ Thánh tài khác nhau là tín, giới, văn, v.v... nên nói là “chủ dị”. Do thí chủ khác nhau nên nhân của sự bố thí cũng khác nhau. Do nhân bố thí khác nhau nên mới có sự khác nhau giữa nhân và quả. Chữ “Đẳng” ở đây gồm tuệ, xả, tâm và quý. Bảy Thánh tài gồm:

1. Tín là sự tin sâu,
2. Giới là tịnh giới,
3. Văn là học rộng,
4. Tuệ là trí tuệ,
5. Xả là xả thí,
6. Tâm,
7. Quý.

Hai thứ tâm quý như trước đã giải thích. Vì thế Túc Luận Tập Dị Môn 16 chép: “Bảy tài là tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, xả tài, và tuệ tài v.v...” kinh Anh lạc Quyển Hạ lại nói bảy tài là tín, giới, thí, văn, tuệ, tâm và quý. Thí và xả có tên gọi khác nhau nhưng nghĩa giống nhau. Lại nữa thứ lớp không giống nhau nhưng bảy tên gọi đều có nghĩa như nhau.

“Có các thí chủ” cho đến “và hỏa v.v... hoại” là giải thích ba câu tụng dưới: có các thí chủ nào có đủ các công đức trên, lại thường thực hành Bố thí đúng pháp bốn hạnh như kính trọng, v.v... tức đều được bốn quả như người tôn trọng, v.v... vì nhân phối hợp với quả; như văn rất dễ hiểu. Nói “vô tổn thí” nghĩa là khi thực hành bố thí mà không làm tổn hoại người khác thì việc bố thí thành tựu.

### **38. Sự khác nhau của quả tài vật:**

“Tài mà Điền thí” cho đến “đều có sai khác” là thứ hai nói về sự khác nhau quả tài vật. Do tài vật được bố thí hoặc thiếu hoặc đủ sắc, hương, vị, xúc mà đắc được hoặc thiếu hoặc đủ các quả diệu sắc v.v... Đây là giải thích chung.

“Nghĩa là tài sở thí” cho đến “như nữ bảo v.v...”: là giải thích trường hợp có đủ sắc, hương, vị, xúc tức theo thứ lớp này mà được các quả diệu sắc v.v... Trường hợp quả bị giảm là do nhân bị thiếu. Tức giải thích tài vật bố thí thiếu sắc, hương, vị, xúc thì cũng theo thứ lớp đó mà

đắc các quả bị thiếu sắc v.v... phải biết rằng chữ “có đủ” ở đây có hai: Có đầy đủ tất cả diệu sắc, diệu hương, diệu vị và diệu xúc; hoặc tùy theo từng trường hợp chỉ cần có một, hai hoặc ba thứ thì cũng gọi là “có đủ”. Nói “thiếu” cũng có hai: Thiếu tất cả bốn thứ diệu sắc, v.v... hoặc tùy theo từng trường hợp bị thiếu một, hai hoặc ba thứ thì cũng gọi là “thiếu”. “Hữu tùy thời xúc” nghĩa là khi lạnh thì tiếp xúc với ấm, khi nóng thì tiếp xúc với mát, nên mới nói là tùy thời. Sự chiêu cảm quả có hai trường hợp đủ và thiếu như trên, chẳng những chỉ do thân nghiệp ngũ nghiệp và năng phát mà còn do tài vật có đủ hay thiếu sắc, hương, vị, xúc, cho nên mới nói là “tài dị”. Do sự khác nhau của tài vật bố thí khiến cho thể của sự bố thí đúng đắn và quả được chiêu cảm đều có khác nhau.

Hỏi: Tập Dị Môn quyển 1 chép: “Hỏi: Cúng dường tài vật là gì?”

Đáp: Tức lấy sắc thanh hương, vị, xúc, y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, và các loại đồ dùng khác mà phát tâm từ tuệ, tận xả để bố thí cho hữu tình.” Như vậy vì sao luận này lại bất đồng với túc luận Tập Dị môn?

Giải thích: Luận này không nói về thanh, vì vốn không hằng hữu; các loại khác như y phục, v.v... đều thuộc về sắc, v.v... nên không nói riêng.

#### **39. Sự khác nhau giữa các loại ruộng:**

“Do ruộng sở thí” cho đến “ân đức có khác nhau” là thứ ba, nói về sự khác nhau giữa các loại ruộng ân, v.v... trong bố thí.

“Luận chép” cho đến “quả thí có khác” là phần giải thích chung: Do dự khác nhau giữa bốn thứ ruộng là thú, khổ, ân và đức nên nói là “ruộng khác”, và do ruộng khác nhau nên thể và quả bố thí cũng khác nhau.

#### **40. Giải thích riêng sự khác nhau giữa các đường:**

“Do đường có khác” cho đến “chịu quả gấp ngàn lần”: dưới đây là giải thích riêng. Đây là phần thứ nhất giải thích về sự khác nhau của đường: Do đường khác nhau nên có quả bố thí khác nhau; văn rất dễ hiểu.

#### **41. Giải thích sự khác nhau của khổ:**

“Do khổ khác nhau” cho đến “không thể chấp lường” là thứ hai giải thích về sự khác nhau của khổ. Do khổ khác nhau nên quả khác nhau. Vì phải dựa vào công đức thêm lớn của bảy trường hợp bố thí mà cứu giúp khổ não của người khác nên nói là “hữu y”. Về ba thứ phước, nghiệp và sự thì như đã được giải thích ở trên. Nói “bảy thứ” là:



- 1) Bồ thí khách nhân tức lữ khách tha hương.
- 2) Bồ thí hành nhân tức người đi đường.
- 3) Bồ thí người bệnh tức người nhiễm bệnh.
- 4) Bồ thí người chăm sóc bệnh, tức người nuôi bệnh.
- 5) Bồ thí vườn rừng tức đem vườn, rừng cúng dường các chùa,

v.v...

6) Bồ thí thường thực tức chỉ cho có thí chủ muốn bồ thí tiền tài, trang điền, v.v... đến bạch với tăng chúng rằng từ nay trở đi xin được hàng ngày cúng dường trai phạn cho bảy vị tăng, nên gọi là thường thực. Các chùa ở Ấn-độ hiện vẫn còn cách thức này. Lại giải thích: Theo phong tục ở Ấn, những người tin phước vì sợ người đi xa lữ đường xa hoặc đi qua các xóm làng xa xôi hẻo lánh sẽ bị đói khát nên lập vườn, xây nhà ở hai bên đường, đồng thời chuẩn bị sẵn cơm nước các thứ để khách qua lại nào cần thì bồ thí. Có vị phát nguyện bồ thí cho tất cả những người qua đường; cũng có vị chỉ phát nguyện bồ thí cho người xuất gia. Vì thường bồ thí thức ăn nên gọi là “thường thực”.

7) Tùy thời thí là chỉ cho những khi giá rét, gió dữ, khô hạn thì tùy theo đó mà bồ thí đồ uống, đồ ăn, áo quần v.v... Khế kinh lại nói rằng nếu có người nam người nữ nào có tín tâm thanh tịnh thành tựu được bảy thứ bồ thí “hữu y” thì được phước không thể đo lường được.

#### **42. Sự khác nhau của công ơn:**

“Do có ân riêng” cho đến “các loài có ân”: là thứ ba giải thích sự khác nhau của công ơn. Về công ân cha, mẹ, sư tăng rất dễ hiểu. Nói “Như Bồ-tát hiện thân làm gấu cứu sống mạng người” là sự tích có người vào núi hái củi nhưng gặp phải bão tuyết nên bị đói rét. May nhờ có gấu đem về cho ăn nên mới sống được. Sáng hôm sau trời quang mây tạnh đường đã đi lại được nên người này xuống núi; dọc đường gặp một người thợ săn bèn chỉ cho biết chỗ ở của gấu, rồi cùng nhau đến đó giết gấu. Lúc đang xẻ thịt gấu để chia nhau thì thân bỗng dưng bị bệnh nặng, liền thọ hiện báo. Luận Bà-sa quyển 114 có dẫn khế kinh kể chuyện một vị Bồ-tát hiện thân làm nai, sừng trắng như tuyết, lông có chín màu, cũng đã cứu sống mạng người. Thuở xưa có người bị nước cuốn trôi, lúc chìm lúc nổi. Nai thấy được liền nhảy xuống nước cứu được người này. Nhà vua đi tìm chỗ nai, bèn ra lệnh cho người nào biết chỗ nai ở sẽ được trọng thưởng. Người này chỉ ra chỗ ở của nai, lúc định giết chết nai thì trên mình bỗng dưng mọc đầy mụn nhọt; đây cũng là trường hợp thọ hiện báo. Nhà vua sau khi hay chuyện không còn có ý giết hại nai nữa và nhờ đó mà phát tâm. Kinh nói do ân khác nhau nên

khuyến cho quả khác nhau. luận Chánh Lý chép: Đối với người có ân mà khởi nghiệp ác thì phải thọ báo hiện tiền. Từ đó biết rằng thực hành báo ân thì chắc chắn có quả báo.

#### **43. Giải thích về đức khác nhau:**

“Do đức khác nhau” cho đến “chịu quả gấp nhiều lần” là thứ tư giải thích về sự đức khác nhau. Do đức khác nhau nên quả bố thí cũng khác nhau. Vì thế luận Chánh Lý chép: Do đức khác nhau, như khế kinh có nói bố thí cho người trì giới thì được quả báo gấp trăm ngàn lần, cho đến bố thí cúng dường Chư Phật thì quả báo là vô lượng.

“Đối với các thí phước” cho đến bố thí thứ tám là trên hết: là thứ tư nói về phước trên hết của sự bố thí, có ba thứ:

- 1) Bố thí cho người giải thoát là trên hết.
- 2) Bố thí cho Bồ-tát là trên hết.
- 3) Bố thí trên hết thứ tám.

“Luận chép” cho đến “đây là trên hết” là giải thích về loại bố thí trên hết của người giải thoát đối với người giải thoát: Tức bậc Vô học bố thí cho bậc Vô học.

“Nếu các Bồ-tát” cho đến “cũng là trên hết” giải thích bố thí trên hết của Bồ-tát.

“Trừ đây lại có” cho đến “cũng là trên hết” giải thích bố thí trên hết của loại thứ tám: Tức ngoài hai thứ bố thí giải thoát đối với giải thoát và bố thí của Bồ-tát ra còn có bố thí trên hết thuộc loại thứ tám trong tám loại bố thí.

“Tám thứ thí là gì” là hỏi.

“Một là tùy chí thí” cho đến nên không giải thích riêng là đáp. Ba thứ tùy chí, bố úy, tập tiên đã giải thích riêng như văn. Trước đây nhận của bố thí của người nay lại bố thí cho họ thì gọi là báo ân thí. Nay bố thí cho người nhưng lại mong người sẽ đền đáp cho mình thì gọi là Cầu báo thí. Mong được sinh lên tầng trời nên thực hành tuệ thí thì gọi là Hy thiên thí. Mong có tiếng thơm mà thực hành tuệ thí thì gọi là Yếu danh thí. Về loại bố thí thứ tám thì như luận Chánh Lý quyển 44 chép: Nói “tâm trang nghiêm” nghĩa là vì để dẫn phát các loại Thánh tài như tín, v.v... nên thực hành tuệ thí. Nói “tâm giúp đỡ” là vì muốn diệt trừ tâm keo lặn nên thực hành tuệ thí. Nói “tư Du già” là vì cầu các sinh nhân xoay vần định lạc nên hành huệ thí. Tức do bố thí nên đắc vô hối, xoay vần cho đến khi tâm cảnh hợp một. Đắc được nghĩa trên thì đắc Niết-bàn. Vì do xả bỏ tài vật vào lúc đầu cũng như qua tất cả các lần sinh tử về sau. Hơn nữa hành huệ thí là loại sinh nhân cao siêu; nếu nương vào

pháp hành này thì sẽ thể dẫn phát chứng đắc Niết-bàn. [Trên đây là văn luận.] Nói “Túc cựu sư” là chỉ cho các sư thuộc hàng đức thuộc tự tông. Luận Chánh Lý chép: Bồ úy thí nghĩa là nhìn thấy tai ương khiến cho tính tâm mà thực hành tuệ thí, văn còn lại rất dễ hiểu.

#### **44. Quả bố thí vô lượng:**

“Như khế kinh nói” cho đến gọi là sinh tử sau rốt, là thứ năm nói về thí quả vô lượng. Trong năm loại này tuy có cả bậc Thánh nhưng nếu là dị sinh thì chỉ một hạnh bố thí cũng chiêu cảm quả vô lượng. An trụ ở thân sáu rốt gọi là sau rốt sinh tức là thân được sinh ra ở cung vua. Tạp Tâm quyển 8 chép: Bồ thí cho năm hạng này đạt được đại quả. Vì đối với cha mẹ thì có ân nuôi dưỡng sinh thân; đối với người bệnh không nơi nương tựa thì tặng được tâm từ bi; đối với người bố thí thì được quả báo rộng lớn đối với người nói pháp thì thêm lớn pháp thân, chỉ cho người thấy rõ thiện ác; đối với người ở gần Phật thì chứa nhóm công đức, rộng nhiếp hóa chúng sinh.

Trong bốn thứ ruộng của Pháp sư thì thuộc về ruộng nào, là hỏi: Cha mẹ và Bồ-tát là ruộng ân; người bệnh là ruộng khổ. Y theo trước có thể biết, chẳng hay pháp sư đối với, bốn thứ ruộng là đường, khổ, ân và đức thì thuộc về loại ruộng nào?

Là thuộc ruộng ân cho đến “chiêu cảm vô lượng quả” là đáp; văn rất dễ hiểu.

#### **45. Nói về các tánh chất nặng nhẹ của nghiệp:**

“Muốn biết các nghiệp” cho đến “lược do sáu nhân”: dưới đây là thứ sáu nói về các tánh chất nặng nhẹ của nghiệp. Đây là nêu tông chỉ.

Sáu nhân là gì là hỏi.

“Tụng chép” cho đến “nghiệp thành phẩm hạ thượng” là tụng đáp.

#### **46. Trình bày sơ lược sáu nhân:**

“Luận chép” cho đến đúng thế đúng thế là giải thích hai câu tụng đầu, trình bày sơ lược sáu nhân:

1) Hậu khởi, tức sau khi đã gây ra nghiệp thì cứ theo đó mà tạo tác không ngừng nghỉ.

2) ruộng là làm tổn hoại hay tăng ích đối với bốn thứ ruộng như đường, khổ, v.v...

3) Căn bản, là nghiệp đạo căn bản.

4) Gia hạnh, tức dẫn phát các thân nghiệp ngữ nghiệp căn bản, v.v...

5) Tư, tức do thân ngữ nghiệp nên tư nghiệp đạo mới được rõ ráo.

6) Ý lạc, là tất cả ý thú, v.v... đã nói “ưng” và “đương” thì biết rằng khi chưa phát nghiệp là y theo gia hạnh xa và tư, là y theo năng phát cho nên hai trường hợp này không giống nhau. Do khởi ý lạc nên mới bắt đầu khởi Tư. Do đã khởi tư nên mới khởi được gia hạnh. Do đã khởi gia hạnh thì mới khởi căn bản. Sự sinh khởi của căn bản phải nằm trong bốn thứ ruộng. Đối với các loại ruộng này, sau khi đã khởi căn bản rồi thì mới có hậu khởi. Nay dựa vào ý nghĩa của sáu thứ mà nêu từ sau đến trước. phải biết rằng sáu thứ hậu khởi, v.v... ở đây đều có nhẹ nặng không giống nhau, vì thế đã y theo tánh chất này để nói về sự nhẹ nặng của nghiệp.

“Hoặc có các nghiệp” cho đến “so sánh theo đây nên suy nghĩ:” dưới đây là giải thích nửa sau của bài tụng. Đây cũng là nói riêng về nghiệp nặng. Hoặc có các nghiệp chỉ thuộc về hậu khởi mà thành nặng vì chắc chắn lập thành quả dị thực. Trong các nhân khởi về sau thì hậu khởi thuộc nặng chứ không phải các nghiệp nhẹ khác. Hoặc có các nghiệp do ruộng mà thành nặng như đối với ân ruộng đức có làm tổn hoại hoặc làm tăng ích chứ không phải những người khác. Hoặc có khi đối với các ruộng do năng lực căn bản mà thành nặng, như đã thực hành sát sanh đối với ruộng mẹ cha có tội nặng thành nghiệp Vô Gián; không phải gây ra các nghiệp trộm cắp, v.v... đối với cha mẹ mà thành tội Vô Gián. Tức ở đây đã y theo các ruộng để nói rằng căn bản là nặng. Giải thích sơ lược ba thứ. Do các gia hạnh, tư và ý lạc khác mà các nghiệp thành nặng. So sánh với đây nên biết.

Nếu có sáu nhân cho đến chẳng phải nhẹ nhất, nặng nhất. Nếu cả sáu nhân đều thuộc thượng phẩm thì nghiệp này rất nặng; đối với sáu thứ này thì các nghiệp còn lại rất nhẹ. Trừ hai thứ nặng và nhẹ này ra, các nghiệp trung gian đều không quá nặng và không quá nhẹ.

**47. Nói về tạo tác thêm lớn:**

“Như khế kinh nói” cho đến “gọi là thêm lớn phải không”: dưới đây là thứ bảy nói về tạo tác thêm lớn; dựa vào kinh để đặt câu hỏi. Trong câu trả lời về tạo tác, ý nghĩa đã quá rõ ràng nên không hỏi riêng.

“Do năm thứ nhân” là đáp.

Năm nhân là gì là gạn lại.

“Tụng chép” cho đến “nghiệp này gọi là thêm lớn.” Từ chữ đầu là “do” đến chữ cuối là “cố”, đề cập đến cả sáu trường hợp. Phần còn

lại giống như văn xuôi đã giải thích.

“Luận chép” cho đến chẳng phải suất nhi-tư làm là giải thích về do nghĩ, nghĩa là việc mà người kia đã làm chẳng phải trước đó hoàn toàn không có tư cũng không phải tới lúc cuối cùng tư mới tạo tác, nên mới gọi là tạo tác và cũng còn gọi là Thêm lớn. Nếu không có xét nghĩ thì chỉ gọi là tạo tác mà không gọi là thêm lớn.

**48. Giải thích do viên mãn:**

“Do tròn đầy” cho đến “cũng gọi là thêm lớn” là giải thích “do tròn đầy”, tức đối với ba hành vi ác thì chúng hữu tình hoặc do một ác hạnh liền đọa vào đường ác hoặc do hai, hoặc do ba. Đối với mười bất nghiệp đọa thiện thì do một nghiệp đọa liền đọa đường ác, hoặc do hai, hoặc do ba cho đến mười nghiệp đọa. Ở đây nếu bằng với các số lượng trên tức là nghiệp đọa đường ác. Lúc chưa tròn đầy chỉ gọi là tạo tác mà không gọi là Thêm lớn. Nếu đã tròn đầy và nghiệp đường ác thành tựu thì gọi là Thêm lớn. Vì thế luận Bà-sa quyển 119 chép: Hoặc do một ác hạnh hoặc do ba hành vi ác mà đọa đường ác. Nếu do một hành vi ác mà đọa đường ác thì lúc đang ở vào giai đoạn gia hạnh chỉ gọi là tạo tác chứ không phải thêm lớn; nếu đã đến được rốt ráo thì gọi là tạo tác đồng thời cũng gọi là Thêm lớn. Nếu do ba ác hạnh mà đọa đường ác thì khi chỉ mới tạo một hoặc hai nghiệp ác chỉ gọi là tạo tác mà không phải thêm lớn; nếu đã tạo đủ cả ba thì gọi là tạo tác đồng thời cũng là thêm lớn. Luận ấy lại chép: Hoặc do một hoặc do cả mười nghiệp đọa bất thiện mà đọa đường ác. Nếu chỉ do một nghiệp đọa bất thiện thì lúc còn ở giai đoạn gia hạnh chỉ gọi là tạo tác chứ không phải thêm lớn; nếu đến được rốt ráo thì có cả hai tên gọi trên. Nếu do cả mười nghiệp đọa bất thiện thì trong giai đoạn từ một tới chín chỉ gọi là tạo tác; chỉ khi gây ra đủ mười nghiệp đọa bất thiện mới được gọi là tạo tác và thêm lớn.

**49. Giải thích do không có ác tác và đối trị:**

“Do không có ác tác” cho đến “không có nghiệp đối trị” là giải thích “do không có ác tác và đối trị”. Do không có ố tác nên sau khi gây ra nghiệp ác không có hối hận. Do không có đối trị nên sau khi đã gây ra nghiệp ác lại nói rằng không có các pháp thiện như phát lộ sám hối, v.v... để làm đối trị nghiệp. Vì thế luận Bà-sa chép: Hơn nữa nếu sau khi gây ra nghiệp mà không xả bỏ, không thổ lộ, không nương vào các pháp đối trị thì có cả hai loại; nếu sau khi gây ra nghiệp mà chịu xả bỏ, chịu thổ lộ và nương vào các pháp đối trị thì chỉ thuộc về tạo tác. Lại nữa, nếu gây ra nghiệp ác rồi nhưng không biết sửa đổi, sám hối thì có đủ cả hai loại; nếu biết sửa đổi, sám hối thì chỉ có tạo tác.

“Do có bạn” cho đến “là kèm theo” là giải thích “do có kèm theo”. Tức khi gây ra nghiệp đạo bất thiện rồi lại kèm theo nghiệp đạo bất thiện để giúp bạn. Vì thế luận Chánh Lý chép: Như trộm tài vật của người, lại làm nhục vợ người, giết chết con cái v.v... luận Bà-sa quyển 24 chép: Lại nữa, nghiệp bất thiện lấy nghiệp bất thiện làm quyến thuộc thì có hai loại; nếu lấy nghiệp thiện làm quyến thuộc thì chỉ có tạo tác.

**50. Giải thích do dị thực:**

“Do dị thực nghĩa là định và dị thực” là giải thích “do dị thực”. Tức gây ra nghiệp này chắc chắn cho quả dị thực.

Khéo trái đây cho đến “chỉ gọi là tạo tác.” Trên đây nghiệp đạo bất thiện đều được gọi là tạo tác và cũng gọi là thêm lớn. Trong trường hợp tạo tác và thêm lớn các nghiệp đạo thiện thì dựa vào năm thứ nhân; tức các nghiệp đối lại với các nghiệp trên. Nếu khác với các nghiệp đạo bất thiện và thiện ở trên và do không có năm nhân thì chỉ gọi là tạo tác mà không gọi là Thêm lớn.

**51. Nói về phước của việc bố thí tháp:**

“Như trước đã nói” cho đến “như từ đấng vô thọ” là thứ tám nói về phước của việc bố thí Chế-đa. Nhắc lại câu hỏi trước và tụng đáp.

“Luận chép” cho đến “có xả loại phước” là giải thích câu tụng đầu; văn rất dễ hiểu.

“Kia đã không thọ phước do đâu sinh” là hỏi: Bố thí Chế-đa không thọ dụng thì làm sao sinh phước cho được?

Lại do nhân gì cho đến “bất thọ bất sinh” là luận chủ lại trách ngoại đạo.

“Không thọ người khác, vô lợi ích” là ngoại đạo trả lời.

**52. Luận chủ bác bỏ chung:**

“Đây chẳng phải định chứng” cho đến “do tự tâm sinh”: là luận chủ bác bỏ chung, tức giải thích câu tụng cuối: Việc làm của ông là chấp không thể nhất định chứng. Nếu phước phải do có làm lợi ích cho người khác thành thì khi tu từ, v.v... và chánh kiến, v.v... lẽ ra không thể sinh phước vì từ, chánh kiến, v.v... không làm lợi ích cho người. Cho nên thừa nhận rằng cúng dường Chế-đa có sinh nhiều phước, giống như tu từ v.v... thì giống như khi có người đang tu từ, đối với tất cả cả chúng sinh đều phát tâm bình đẳng mà mong cho họ được yên vui. Tuy không có người thọ nhận cũng không làm lợi ích cho ai nhưng từ tâm thiện của người tu đã phát sinh vô lượng phước. Tu các định như Bi, v.v... cũng thế. Như vậy, những người có đức tuy đã diệt vào quá khứ nhưng nay

nhớ lại cung kính cúng dường thì có phước từ tự tâm sinh.

Há không luống uổng nghiệp thí kính này: là ngoại đạo hỏi, nếu phước chỉ do tự tâm sinh thì không uổng phí tài vật bố thí và các nghiệp thân ngữ khi cung kính cúng dường sao?

“Không như thế thì phát nghiệp” cho đến “chẳng phải chỉ khởi tâm” là luận chủ giải thích: Cần phải có phát khởi các nghiệp thân ngữ thì tâm kính dường bố thí mới được cao siêu. Từ “là như” trở xuống là dẫn các ví dụ để so sánh với pháp: lời văn rất dễ hiểu.

**53. Nói về quả do nội tâm:**

Nếu đối với ruộng tốt cho đến “chiêu cảm quả phi ái” dưới đây là thứ chín nói về quả do nội tâm. Câu hỏi: Từ nền tảng của thiện mà thực hành bố thí thì sẽ chiêu cảm quả đáng ưa. Như vậy nếu khởi từ nền tảng của ác thì lẽ ra phải chiêu cảm quả không đáng ưa vì nền tảng vốn là ác chứ chẳng phải thiện?

Ở đây đúng như thế là đáp.

Vì sao? là gạn lại.

“Tụng chép” cho đến “gieo trồng quả không trái ngược” là tụng đáp.

“Luận chép” cho đến “gieo trồng quả có trái ngược”: là giải thích câu tụng thứ hai ở trước: Do gieo trồng khác nhau nên quả có đắng, ngọt khác nhau. Từ hạt giống ngọt thì có quả ngọt sinh, từ hạt giống đắng thì có quả đắng sinh. Cho nên nói rằng hạt giống và quả không có lẫn lộn; không do thế lực của nền tảng tạo tác mà có sự trái ngược giữa hạt giống và quả. Mạt-độ-ca là tên một loại quả, có hình dạng giống như quả táo và cây có thân giống như cây tạo giáp. Nhấm-bà là loại hạt rất nhỏ giống như hạt khổ luyện tử.

“Thí chủ như thế” cho đến “hoặc quả hoàn toàn vô” là giải thích câu tụng thứ nhất: Thí chủ như vậy tuy khởi từ nền tảng ác nhưng có tâm làm lợi ích cho người thì khi gieo giống bố thí chỉ chiêu cảm quả ái mà chẳng phải quả phi ái. Điều này nói ý hạt giống bố thí thường chiêu cảm quả đáng ưa thích. Không phải khởi từ nền tảng ác mà hạt giống và quả bị lộn xộn. Tuy nhiên do có lỗi đã khởi từ nền tảng ác nên hạt giống đã gieo có thể sinh ít quả như trường hợp bố thí cho người phàm, v.v... hoặc hoàn toàn không có quả, như sự bố thí hời hợt cho ngoại đạo, v.v...

**54. Nói về giới và tu:**

“Thí loại phước, nghiệp, sự” cho đến “y trị diệt tịnh v.v...” dưới đây là thứ hai của toàn văn nói về giới và tu, có ba:

1) Nói về Giới.



2) Nói về Tu.

3) Quả của Giới và Tu. Đây là nói về Giới.

“Luận chép” cho đến “tự tánh sai khác” là giải thích hai câu tụng đầu: Bấy chi thân, ngữ thuộc sắc bất thiện đều gọi là phạm giới. Ở đây thuộc về tánh tội nên gọi là phạm; già tội là chỉ cho phi thời thực v.v... Tuy chẳng phải tánh tội nhưng vì để hộ pháp và hữu tình nên Phật có ý ngăn dứt riêng. Vì hộ pháp và hộ hữu tình. Nói “vì để hộ pháp” tức pháp là chánh pháp; người phạm già tội nếu nói pháp cho người khác thì họ không tin. Vì có người che bai pháp nên Phật có ý ngăn dứt riêng để bảo vệ chánh pháp. Nói “vì để hộ hữu tình” tức để bảo vệ chúng sinh. Nếu có người xuất gia phạm phải già tội này thì khi người khác thấy được sẽ chê bai mà phạm tội nặng và khởi tâm khinh mạn mà không cung kính. Phật vì muốn bảo vệ các chúng sinh này nên có ý ngăn dứt riêng.

Vì hộ hữu tình là hộ các hữu tình, nếu người xuất gia phạm già tội này thì có hai:

1) Người khác nhìn thấy chê bai, vì giữ gìn tội nặng.

2) Người khác nhìn thấy thì khinh mạn không cung kính.

Ý Phật vì hộ các hữu tình ấy cho nên ý riêng ngăn dứt. Người thọ giới nếu phạm cũng gọi là phạm giới. Phân biệt với tánh tội lập ra già tội. Xa lìa tánh tội và già tội được gọi là giới. Mỗi loại đều có biểu và vô biểu, vì lấy thân nghiệp ngữ nghiệp làm tự tánh cho nên dùng đoạn văn này chứng minh hai giới tánh và già đều có nghiệp biểu và vô biểu khác nhau.

Hỏi: Nếu phát tâm thiện nói pháp cho người nữ hơn năm sáu lời, đã là phát tâm thiện vì sao gọi là già tội?

Giải thích: Đứng về mặt tâm thiện thì gọi là nghiệp thiện nhưng đứng về mặt trái với lời dạy thì gọi là Tội. Phải biết rằng già tội gồm có hai loại:

1) Do tâm nhiễm khởi tức đọa đường ác.

2) Do tâm thiện, vô ký khởi thì chẳng đọa đường ác vì không phải tâm nhiễm. Đứng về mặt trái với giáo huấn thì nói là phạm già tội nhưng nói về thể thì không phải tội bởi vì hai nghiệp tội phước do tâm thành tựu. Nói “sắc bất thiện gọi là phạm giới” là y theo chưa lìa dục. Nếu không phải vậy thì người đã lìa dục nói pháp cho nữ giới quá năm sáu lời làm sao có thể phạm già tội được. Từ đó biết rõ rằng không do tâm nhiễm phát khởi cũng gọi là già tội. Về ngăn ngữ đã thế mà về ngăn dứt thân cũng như vậy.

**55. Nói về bốn đức:**

“Nếu có bốn đức” cho đến “chẳng phải thắng sinh” là giải thích hai câu tụng cuối: Nếu có đủ bốn đức thì được gọi là thanh tịnh. Ở đây là giải thích chữ “Tịnh”. Nếu không có các đức thì gọi là bất thanh tịnh. Bốn đức là

1) Không để cho sự phạm giới hủy hoại: Nói phạm giới là chỉ cho các sắc bất thiện ở trên. Ở đây nhằm giải thích “phi phạm giới hoại”.

2) Không để cho nhân của phạm giới hủy hoại: Nói nhân là chỉ cho tham v.v... Ở đây là giải thích “phi nhân hoại”.

3) Nướng vào các pháp đối trị: Tức y theo bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, v.v; các pháp niệm trụ, v.v... này có công năng đối trị phạm giới và các nhân. Ở đây là giải thích “y trị”.

4) Nướng vào diệt pháp: Tức nướng vào Niết-bàn, nguyện hồi hướng công đức có được do sự trì giới về Niết-bàn, không cầu sinh vào hai cõi cao quý trời người. Ở đây là giải thích “y diệt”.

**56. Nói về hai thuyết khác:****1) Thuyết một:**

“Đẳng ngôn vi hiển” cho đến “năm hồi hướng tịch.” Chữ “Đẳng” trong văn tụng ám chỉ cho hai thuyết khác. Đây là thuyết đầu, cho rằng giới tịnh là do năm thứ nhân. Vì thế Tạp Tâm quyển 8 chép: Căn bốn tịnh là lia bỏ sự phát khởi nghiệp đạo căn bốn. Quyển thuộc tịnh là lia bỏ các phương tiện như sát sinh v.v... không bị giác làm hoại là lia bỏ ba thứ giác dục, nhuế, hại thường làm não loạn. Nhiếp thọ chánh niệm là nhiếp thọ các niệm về Phật, pháp, tăng và cũng nhờ đó mà lia bỏ được các tâm vô ký. Chánh hướng giải thoát là giải thoát trì giới mà không vì thân, tiền tài, hoặc các việc làm khác, cho nên cũng nói là chi tùy thuận giác. Năm nhân duyên này làm cho giới thanh tịnh.

**2) Thuyết hai:**

Có sự khác nói, cho đến “nghiệp cảm cấu” là chủ thuyết thứ hai: Giới có bốn thứ:

a) Giới sợ hãi, chia làm bốn: Sợ không có cơm áo để sinh sống, sợ tiếng xấu của thế gian, sợ đại chúng trị phạt, sợ đường ác ở vị lai. Vì thế mà thọ hộ Thi-la.

b) Giới hy vọng, có năm: Tham luyến các hữu, tham luyến các giai đoạn cao siêu, tham có nhiều tiền, tham được cung kính, và tham được khen ngợi, vì thế mà thọ trì tịnh giới.

c) Giới Thuận giác chi: Giới này thường thuận hợp bảy giác chi nên gọi là giới giác chi. Tức vì cầu Niết-bàn giải thoát và tám Thánh

chi như chánh kiến, v.v... nên thọ trì tịnh giới.

d) Giới Thanh tịnh là chỉ cho giới vô lậu có công năng lìa hẳn hoặc cấu của nghiệp, nên gọi là giới thanh tịnh.

**57. Nói về tu:**

“Đã nói về giới loại” cho đến “rất có công năng huân tâm” là thứ hai nói về Tu.

“Luận chép” cho đến “tự thể ấy thế nào” là hỏi.

“Nghĩa là Tam-ma-địa tự tánh câu hữu” là đáp; tức lấy tự tánh của Tam-ma-địa và năm uẩn câu hữu làm thể.

“Tu nghĩa là gì”: là hỏi về ý nghĩa của tu.

“Nghĩa là huân tập tâm” cho đến “nên chỉ gọi là Tu” là đáp: Tu nghĩa là huân tập, tức huân tập tâm, vì thiện thuộc định địa nối tiếp khởi ở tâm, có công năng huân tập rất mạnh khiến cho thể của công đức được thành tựu cho nên chỉ có ở đây được gọi là Tu. Ví dụ so sánh rất dễ hiểu.

**58. Nói về quả của giới và tu:**

“Trước nói về phước bố thí” cho đến “y theo thắng thuyết mà tu” dưới đây là thứ ba nói về quả của giới và tu, gồm: (1) Chính nói về quả của giới và tu. (2) Quả bằng với phước cõi trời phạm. Đây là phần đầu: Giới lấy ly hệ làm quả sĩ dụng, tức do trì giới mới chứng ly hệ, vẫn còn lại rất dễ hiểu. Luận Chánh Lý chép: Như vậy trì giới cũng chiêu cảm phước lớn. Nói về bố thí là vì y theo hạnh cao siêu nhất. Y theo ví dụ nên biết. “Kinh nói bốn người” cho đến “là nhất Phạm phước lượng”: là thứ hai nói về quả phước lượng Phạm Thiên, dựa vào kinh để lập thành hỏi đáp. Đà-đô Hán dịch là tánh, tức chỉ cho thể tánh Như lai. Bốn sự là y phục, thức ăn uống, đồ nằm và thuốc men. Như Xá-lợi Tử, v.v... đã giúp cho tăng chúng bị phá được hòa hợp trở lại. Vẫn còn lại rất dễ hiểu.

**59. Nêu hai thuyết:**

**1) Thuyết một:**

“Luận chép” cho đến “chiêu cảm vui trời trong một kiếp: có hai thuyết. Đây là thuyết đầu, tức Kinh bộ, hoặc Đại chúng bộ, hoặc của các luận sư khác. Thuyết này có ý cho rằng một phước của cõi trời Phạm bằng bốn mươi trung kiếp ở tầng trời Phạm Phụ làm thành một kiếp lượng và kiếp lượng này được gọi là Phước lượng.

Lại dẫn văn tụng của các bộ phái khác để chứng minh: Có người tin theo chánh kiến, tu mười hạnh thiện thì sinh lên tầng trời Phạm phước vì chiêu cảm được sự an vui sinh lên tầng trời của trong một kiếp.

Văn tụng được trích dẫn có ý chứng minh bằng với một kiếp của trời Phạm phước, sinh ở tầng trời, thọ vui một kiếp thì đồng với trời Phạm phước. Mười thắng hạnh là tu thắng hạnh mười thiện của bốn Phạm phước.

Lại giải thích: Giống như mười thiện nghiệp có công năng chiêu cảm một kiếp thọ vui ở tầng trời thì bốn Phạm phước cũng có công năng như vậy, tức dựa vào ý để giải thích riêng. Pháp sư Chân đế lại giải thích: Mười thắng hạnh là đối với bốn Phạm Phước ở trên cộng thêm sáu thứ nữa là:

- 1) Vì Cứu mạng mẹ mà bỏ mạng mình.
- 2) Vì Cứu mạng cha mà bỏ mạng mình.
- 3) Vì Cứu mạng Như lai mà bỏ mạng mình.
- 4) Xuất gia trong chánh pháp.
- 5) Khuyên người khác xuất gia.
- 6) Chưa xoay bánh xe pháp nhưng thường thỉnh xoay bánh xe pháp.

Nếu giải thích như trên thì sẽ biết được chứng ý. Phải biết rằng trong bốn Phạm phước thì Phạm phước sau cùng thọ vui một kiếp ở cõi trên, ba Phạm phước trước ở các tầng trời cõi Dục phải chết rồi sinh lại mới thọ vui một kiếp. Vì thế luận Chánh Lý chép: Người đã lìa dục, tu bốn vô lượng, lên các tầng trời cõi trên thọ vui một kiếp. Nếu chưa lìa dục, xây suất-đổ-ba, lập chùa, hòa hợp tăng chúng, siêng năng tu tập các gia hạnh từ, v.v... thì cũng giống như người tu vô lượng căn bốn chiêu cảm vui tầng trời trong một kiếp. Chẳng phải trước đây có nói cõi Dục không có loại nghiệp thiện có công năng chiêu cảm dị thực một kiếp hay sao? Không có trường hợp một nghiệp thiện mà cũng giống như nghiệp bất thiện, chỉ trong một sát-na mà có thể chiêu cảm thọ mạng một kiếp. Y theo lý này nên nói rằng: Tuy nhiên đối với một việc mà lại phát khởi nhiều tư, kế nhau chiêu cảm vui sướng lâu dài trong một kiếp. Tức khi chết rồi lại sinh về đó, cho nên nói “kiếp lạc” không mắc lỗi trái với các nghĩa trước đây.

#### 2) *Thuyết hai:*

“Sư Tỳ-bà-sa” cho đến “thuyết khác như thế” là thuyết thứ hai nói về lượng phước cõi trời Phạm cũng giống như giải thích trên; chữ “Đẳng” là gồm các thuyết khác này.

#### **60. Nói về pháp thí:**

“Tài thí đã nói” cho đến “đại phước của tự, tha” là thứ ba nói về pháp thí. Nói thể tánh, như luận Bà-sa quyển 29 trong phần nêu thể của pháp cúng dường có chép: Có lời bình cho rằng nếu nói pháp, tức

là ngữ; nếu phát ngữ, tức là pháp tâm và tâm sở; nếu nghe pháp thì khi nghe rồi sẽ sinh khởi thiện xảo giác tuệ chưa từng có. Tất cả đều chính là tự tánh này. Như vậy Pháp cúng dường sử dụng toàn bộ năm uẩn làm tự tánh. Giải thích: Dựa vào tài thí nêu thể của pháp bố thí chân thật thí lễ ra cũng như vậy. Suy nghĩ sẽ biết. Chữ Đẳng trong “Khế kinh đẳng” là bao gồm Luật và Luận. Vì thế, Túc Luận Tập Dị Môn quyển 2 chép:

Hỏi: Pháp cúng dường là gì?

Đáp: Là Tố-đát-lãm hoặc Tỳ-nại-da hoặc Tỳ-đạt-ma.

Lại giải thích: nêu bộ kinh đầu trong mười hai bộ kinh; chữ Đẳng chỉ cho mười một bộ còn lại. Mười hai bộ kinh là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt; Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên; thí dụ, Bổn sự, Bổn sinh; Phương quảng, Hy pháp, Luận nghĩa. Vì thế luận Chánh Lý quyển 44 chép: Nói “Khế kinh đẳng” thì chữ đẳng bao gồm mười một bộ, tức chỉ cho Khế kinh cho đến Luận nghĩa. Gọi là Khế kinh vì có công năng gồm nhiếp dung nạp toàn bộ lý ngôn chắc thật thuận theo thắng nghĩa và thế tục. Như vậy Khế kinh là do Phật nói hoặc do Phật cho phép đệ tử nói. Ứng tụng là sự biên tập các ngôn từ ngữ cú hay đẹp nhằm nêu lên và khen ngợi những điều được nói trong khế kinh. Có thuyết cho rằng đây cũng chính là kinh Bất liễu nghĩa. Ký biệt là phân tích nội dung các câu hỏi đáp, như nói trong Bà-la-diễn-nô v.v... hoặc tất cả nghĩa ngôn chân thật được phân biệt trong quá khứ, vị lai hoặc hiện tại đều được gọi là Ký biệt. Có thuyết cho rằng đây cũng chính là kinh Liễu nghĩa do Phật nói. Phúng tụng là sự biên tập các ngôn từ ngữ cú hay đẹp nhưng không có tính cách kể lại như trên mà ca vịnh khen ngợi; gồm hai, ba, bốn, năm, hoặc sáu câu v.v... Tự thuyết là Phật vì có ý muốn cho chánh pháp an trụ lâu dài nên dù không được thưa hỏi nhưng khi quán sát các sự việc ít có đã vui lòng nói ra, như nói na già này là do na già kia v.v... Duyên khởi là nói về lý do của tất cả các trường hợp thuyết giáo, phần nhiều là nhằm để điều phục, tương ứng và luận đạo. Vì có nhân duyên sinh khởi nên mới được nói ra. Thí dụ là để giúp hiểu ngộ ý nghĩa và tông chỉ của những điều đã được nói nên dẫn chứng nhiều trường hợp khác nhau để so sánh khai thị, như trường dụ, v.v... mà khế kinh nói. Có thuyết cho rằng đây là thuyết giáo của Bồ-tát về các bổn hạnh có kèm theo các thí dụ để chứng minh. Bổn sự là nói về các sự tích được truyền thuyết từ trước đến nay. Bổn sinh là nói về các hành trạng của Bồ-tát hoặc dựa vào các việc trong quá khứ. Tức do các việc trong quá khứ mà có sự bàn luận rất ráo thì gọi là Bổn sự, như kinh Mạn-đà-đa. Nếu nói

theo việc trong hiện tại thì phải có sự bàn luận rõ ràng về các việc quá khứ trước kia nên gọi là Bốn sinh, như kinh La-sát-tư. Phương quảng là dùng Chánh Lý để nói rộng về các pháp vì tánh tướng của tất cả các pháp vốn nhiều nếu không dùng nhiều ngôn từ thì không thể phân biệt được rõ ràng. Có nơi còn gọi là Quảng phá, vì chữ “quảng” có công năng phá diệt sự mê tối vô tri cực kỳ sâu chắc. Hoặc còn gọi là Vô tỷ vì chữ “Quảng” này còn có nghĩa lý sâu xa không gì sánh được. Có thuyết cho rằng chữ “Quảng” là nói rộng về tư lương của đại Bồ đề. Hy pháp là trong đây chỉ nói pháp hy kỳ ra đời gian, vì thế bộ kinh này thường nói về các tánh chất ít có của ba thừa. Có luận sư khác cho rằng vì nói về Tam bảo là điều mà thế gian ít có dịp nghe đến nên gọi là Hy Pháp. Luận là để trình bày giải thích nghĩa lý của các vấn đề rất khó quyết trạch đã nói trong các bộ kinh trên. Có thuyết cho rằng các bậc đã thấy được, hoặc biết được như thật nghĩa sâu của các phần thuyết giáo trong các bộ kinh trên rồi tùy lý mà giải thích thì cũng gọi là Luận nghị. Tên gọi này tiếng Phạm gọi là Ma-đát-ly-ca vì lúc giải thích ý nghĩa các bộ kinh khác thì kinh này là bản mẫu (mẹ gốc). Kinh này còn được gọi là A-tỳ-đạt-ma vì thường đối với các pháp tướng và nhằm hiển bày như thật tướng các pháp. Trên đây là giải thích sơ lược về mười hai phần giáo; phải biết rằng tất cả đều thuộc về ba tạng kinh điển. Ba tạng là

- 1) Tạng Tố-đát-lãm,
- 2) Tạng Tỳ-nại-da
- 3) Tạng A-tỳ-đạt-ma.

**61. Nói về thuận theo ba phần thiện:**

“Trước đã giải thích riêng” cho đến “Thánh đạo khéo như thứ lớp”: là thứ tám của toàn văn nói về thuận ba phần thiện.

“Luận chép” cho đến sau sẽ nói rộng: là giải thích thuận ba phần thiện, Phần là riêng khác. Tức phước, v.v... được gọi là Phần; đây là ba phần khác nhau được thuận theo nên gọi là Phần. Hoặc thuận theo các pháp thiện là phước, v.v... nên gọi là phần, tức đây là công năng thuận theo ba phần khác nhau. Hoặc nói “phần” là có cả năng thuận và sở thuận. Văn còn lại rất dễ hiểu.

**62. Nói về thể của thư v.v...**

“Như điều thế gian nói” cho đến “toán văn số tự thể”: là thứ chín của toàn văn nói về thể của thư, v.v...

“Luận chép” cho đến “thọ, các pháp tướng v.v...” là giải thích hai câu tụng đầu. Chữ “đẳng” gồm hành và thức. Văn còn lại rất dễ hiểu.

“Trong đây thư ấn” cho đến “năm uẩn làm thể” dưới đây là giải

thích hai câu tụng cuối. Thư là chỉ cho thủ thư; ấn là chỉ cho thủ ấn và các công xảo của thân, lấy thân nghiệp ở trước làm tự tánh và các pháp tâm tâm sở năng phát. Tóm lại, lấy năm uẩn làm thể, phải biết rằng thư ấn lấy thân nghiệp có công năng thư, ấn làm thể chứ không phải các pháp được thư ấn. Vì thế luận Bà-sa quyển 126 chép: Chữ “Thư” nói đến ở đây không nhằm chỉ cho chữ được chép ra mà chỉ cho pháp có công năng chép chữ; vì có công năng thành tựu chữ chép nên pháp này được gọi là Thư. Giải thích: Hai tên gọi thư và tự cũng giống như khi nói nhân và mục. Chữ “tự” ở đây không phải là Tự trong các pháp bất tương ưng. Luận ấy lại chép: Chữ “ấn” ở đây chẳng phải là ấn được tạo ra mà chỉ cho pháp có công năng tạo ấn. Vì pháp này có công năng tạo ấn nên mới gọi là ấn. Luận Chánh Lý lại chép: Không phải do hình tượng của tự mà gọi là Thư, cũng không phải do đường nét của các hoa văn được điều khác mà gọi là ấn. Nhưng do thân nghiệp tạo thành các hình tượng của chữ và các đường nét của ấn nên ở đây mới có các tên gọi thư, ấn.

### 63. Nói về toán và số:

1) *Nói về toán*: “Kế là toán và văn” cho đến “năm uẩn làm thể.” Toán là ngữ toán, như nói chín lần chín là tám mươi một v.v... Văn là văn chương, như ngữ ngôn, phú tụng, thi phú và các công xảo thuộc về ngữ ngôn của con người. Toán văn có ngữ nghiệp ở trước làm tự tánh và các tâm tâm sở năng phát. Nói chung là lấy năm uẩn làm thể. Phải biết rằng toán văn lấy loại ngữ nghiệp có công năng toán văn làm thể chứ không phải lấy kết quả của sự tính toán hay sự sáng tác để làm thể. Vì thế luận Bà-sa chép: Chữ “Toán” ở đây không nhằm chỉ cho các pháp một, mười, trăm, ngàn, muôn, ức, v.v... mà là chỉ cho pháp có công năng tính toán; vì pháp này có công năng tính toán nên mới gọi là Toán. Luận lại chép: Chữ “Thi” ở đây không nhằm chỉ cho những lời ca tụng được nói lại mà là chỉ cho pháp có công năng tạo thành những lời ca tụng; vì pháp này có công năng sáng tác thơ ca nên mới gọi là thi. Giải thích: Thi và Văn có tên gọi khác nhau nhưng nghĩa giống nhau.]

2) *Nói về số*: Số sau nên biết, cho đến “pháp năng số”: Số nghĩa là ý tứ tính đếm các pháp. Các số một, mười, v.v... là công xảo của ý nghiệp, có ý nghiệp ở trên làm tự tánh và các pháp tâm, tâm sở năng phát đồng thời với ý tứ. Tóm lại là lấy bốn uẩn làm thể vì chỉ do ý tứ là pháp có công năng đếm. Nội tứ so sánh gọi là số; từ khi xuất ngữ trở đi thì gọi là toán, vì thế hai pháp này không giống nhau. Phải biết rằng số lấy công năng đếm làm thể chứ không lấy các con số được đếm làm thể. Vì thế luận Bà-sa chép: Chữ “số” ở đây không phải chỉ cho số lượng



trăm, ngàn, v.v... hạt gạo, hạt mè, v.v... đếm được mà là chỉ cho pháp có công năng tính đếm; pháp có công năng tính đếm này gọi là SỐ. Nếu theo Thắng luận thì Đức cú nghĩa có tự thể riêng của số. Nếu theo Đại thừa thì lấy pháp được đếm để giả lập làm SỐ. Nếu theo tông này thì lấy loại tư có công năng tính đếm làm thể. Nếu y theo pháp được đếm thì đồng với Đại thừa.

**64. Tên gọi khác nhau của các pháp:**

“Nay nên nói lược” cho đến “giải thoát gọi là vô thượng” là thứ mười của toàn văn nói về tên gọi khác nhau của các pháp.

“Luận chép” cho đến “cũng gọi là mầu nhiệm:” là giải thích câu tụng đầu. Các pháp thiện vô lậu lấy hữu vi vô lậu và trạch diệt làm thể, cũng được gọi là Diệu. Vì thế Túc luận Phẩm Loại quyển 6 chép: Diệu pháp là gì? Tức pháp hữu vi vô lậu và trạch diệt. Luận Chánh Lý, trong giải thích Dị danh chép: Là các pháp thắng nhiễm, vô ký và hữu lậu. Vì thế chỉ có một loại pháp này được gọi là Diệu.

“Các pháp nhiễm ô” cho đến “và pháp yếu kém là” giải thích câu tụng thứ hai: Các pháp nhiễm ô lấy các pháp bất thiện, hữu phú vô ký làm thể. Cho nên Túc Luận Phẩm Loại chép: Liệt pháp là gì? Là các pháp bất thiện và hữu phú vô ký. Luận Chánh Lý trong phần giải thích về Dị danh chép: Còn gọi là Hữu tội vì là các pháp mà người trí thường quở trách, nhằm chán. Cũng gọi là Hữu phú vì thường chướng ngại đạo giải thoát. Cũng gọi là yếu kém vì rất hủ lậu uest trước cần phải xả bỏ.

**65. Giải thích trung pháp:**

Y theo hơn và kém này cho đến cho nên bài tụng không nói: là giải thích trung pháp. Căn cứ theo hai loại diệu, liệt ở trên mà lập thành các pháp trung gian. Tức thiện hữu lậu, vô phú vô ký, hữu vi và vô vi. Vì thế Phẩm Loại Túc Luận chép: Trung pháp là gì? Là các pháp thiện hữu lậu và vô phú vô ký. Chánh Lý đồng với Túc Luận Phẩm Loại.

**66. Tên gọi khác nhau của các pháp thiện hữu vi:**

“Các thiện hữu vi” cho đến “nghĩa y theo đã thành” là giải thích câu tụng thứ ba nói về tên gọi khác nhau của các pháp thiện hữu vi. Các pháp này cũng gọi là Ứng tập. Loại thiện này thường hiện khởi ở thân, dần dần thêm lớn, vì có thể tu tập, lại sinh ra quả. Các pháp bất thiện, vô ký và vô vi chẳng nên tu tập, nghĩa lý y theo đã thành.

Hỏi: Vì sao các pháp bất thiện, vô ký chẳng nên tu tập?

Đáp: Luận Chánh Lý chép các pháp bất thiện và vô ký không nên tu tập vì thể của các pháp này chẳng phải pháp thắng tiến.

“Vì sao vô vi không gọi là nên tu tập” là hỏi.

Không nên thường tu cho đến pháp này không có quả là đáp: Pháp vô vi này không thể được tu tập thường xuyên để làm cho thêm lớn nên không nói là nên tu tập. Hơn nữa, tập làm ra quả mà pháp vô vi lại không có quả nên không gọi là Ứng Tập. Luận Chánh Lý chép: Thật ra khi nói Niết-bàn vốn ở tại tâm, là muốn dạy cho hữu tình phải hướng về Niết-bàn, phải thường hiện khởi thiện trí để duyên theo Niết-bàn cho nên nói như vậy chẳng phải nói nên tu tập.

**67. Tên gọi khác nhau của giải thoát:**

“Giải thoát Niết-bàn” cho đến “nghĩa y theo đã thành”: là giải thích câu tụng thứ tư, nói về các tên gọi khác nhau của giải thoát. Giải thoát là Niết-bàn cũng gọi là Vô thượng vì không có pháp nào có công năng vượt hơn Niết-bàn. Là thiện, là thường, vì siêu việt tất cả các pháp. Không có pháp nào có thể ngang bằng với Niết-bàn chứ đừng nói là cao hơn. Về các pháp khác thì có pháp cao hơn, tức tất cả các pháp hữu vi, hư không và phi trạch diệt, vì không có các tánh chất thiện thường, tùy theo sự thích ứng mà đều được gọi là hữu thượng.

